

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

E-HỒ SƠ MỜI THẦU DỊCH VỤ TƯ VẤN QUA MẠNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT
ngày 17 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Số hiệu gói thầu: Gói thầu số 09

Tên gói thầu: Tư vấn khảo sát giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công;
lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán

Dự án: Khu tái định cư đường Tô Hữu nối dài, thị xã
Hương Thủy

Số E-TBMT IB2500302712 - 00

Phát hành ngày: Ngày 01 tháng 7 năm 2025

Ban hành kèm theo Quyết định số: 1440/QĐ-BĐTPT ngày 26/6/2025

Tổ chuyên gia
Tổ chuyên gia Ban QLDA Đầu tư
xây dựng và Phát triển đô thị
thành phố Huế
Tổ trưởng

Chủ đầu tư
Ban QLDA Đầu tư xây dựng
và Phát triển đô thị
thành phố Huế
Giám đốc

Đặng Quang Ngọc

Hà Xuân Hậu

Chương I: CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	<p>1.1. Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ tư vấn theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm được quy định tại E-BDL.</p>
2. Giải thích từ ngữ trong đầu thầu qua mạng	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSDT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p>
3. Nguồn vốn	<p>Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL.</p>
4. Hành vi bị cấm	<p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.</p> <p>4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị E-HSDT hoặc rút E-HSDT để một bên trúng thầu;</p> <p>b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;</p> <p>c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Bên mời thầu yêu cầu làm rõ E-HSDT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.</p> <p>4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đầu thầu;</p> <p>b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:</p>

a) Huy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật, đe dọa hoặc gọi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, mời giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

b) Can trở Người có thẩm quyền, Chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;

c) Can trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;

d) Có tình huống nài, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để can trở hoạt động đấu thầu;

đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, can trở việc đấu thầu qua mạng.

4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, Chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Bên mời thầu, Chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định E-HSMT đối với cùng một gói thầu;

c) Tham gia đánh giá E-HSDT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;

d) Cả nhân thuộc Bên mời thầu, Chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là Người có thẩm quyền, người đứng đầu Chủ đầu tư, Bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;

đ) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do Chủ đầu tư, Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;

e) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát;

g) Nêu điều kiện trong E-HSMT nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu.

4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, điểm h khoản 1 Điều 79, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82, điểm b khoản 4 Điều 93 của Luật Đấu thầu, bao gồm:

a) Nội dung E-HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;

	<p>b) Nội dung E-HSDT; nội dung yêu cầu làm rõ E-HSDT của Bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSDT; báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSDT trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.</p> <p>4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSDT mà không được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;</p> <p>c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.</p>
<p>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</p>	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;</p> <p>c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại E-BDL ;</p> <p>d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.</p> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p>

	<p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c và điểm d Mục 5.1 E-CDNT.</p>
<p>6. Nội dung của E-HSMT</p>	<p>6.1. E-HSMT bao gồm: E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chi dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dự thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. <p>Phần 2. Điều khoản tham chiếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Điều khoản tham chiếu. <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng; - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; - Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng. <p>6.2. Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
<p>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT</p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn</p>

chính E-HSDT, trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.

7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.

7.3. Trường hợp cần thiết, Bên mời thầu tổ chức hội nghị tiên đầu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại **E-BDL**. Bên mời thầu đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiên đầu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiên đầu thầu mà không cần phải thông báo trước cho bên mời thầu. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư, Bên mời thầu và nhà thầu phải được Bên mời thầu ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiên đầu thầu. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiên đầu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiên đầu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.

7.4. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiên đầu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiên đầu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.

7.5. Bên mời thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.

7.6. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu, thời gian thương thảo hợp đồng và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.

7.7. Đối với các gói thầu tư vấn đơn giản, gói thầu tư vấn có giá trị không quá 500 triệu đồng hoặc gói thầu tư vấn cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ, thời gian sửa đổi E-HSMT thực hiện theo quy định tại

	E-BDL.
8. Chi phí dự thầu	E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Bên mời thầu đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL . Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của E-HSDT	E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
10. Thành phần của E-HSDT	E-HSDT bao gồm E-HSDXKT và E-HSDXTC: 10.1. E-HSDXKT bao gồm các thành phần sau đây: - Đơn dự thầu trong E-HSDXKT được Hệ thống tự trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; - Thỏa thuận liên danh được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với trường hợp nhà thầu liên danh); - Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 14 E-CDNT và các Mẫu thuộc Chương IV; 10.2. E-HSDXTC bao gồm các thành phần sau đây: - Đơn dự thầu trong E-HSDXTC được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; - Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 E-CDNT và Mục 12 E-CDNT. 10.3. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL .
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu được Hệ thống trích xuất để hoàn thành E-HSDT.
12. Giá dự thầu và giảm giá	12.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Hệ thống sẽ tự động trích xuất giá dự thầu từ Mẫu số 15 Chương IV vào đơn dự thầu. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này

	<p>được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong Bảng tổng hợp chi phí.</p> <p>12.2. Việc phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia được thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p>
13. Dòng tiền dự thầu và dòng tiền thanh toán	Dòng tiền dự thầu và dòng tiền thanh toán là VND.
14. Đề xuất kỹ thuật	<p>14.1. Đề xuất kỹ thuật không được nêu bất kỳ thông tin tài chính nào. Nếu đề xuất kỹ thuật của nhà thầu có những thông tin tài chính quan trọng thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm về những bất lợi do việc để lộ thông tin tài chính trong đề xuất kỹ thuật (nếu có).</p> <p>14.2. Nhà thầu không được đề xuất phương án khác về nhân sự chủ chốt. Mỗi vị trí nhân sự chủ chốt chỉ được đề xuất một lý lịch chuyên gia.</p> <p>14.3. Đối với gói thầu áp dụng hợp đồng theo thời gian, trường hợp E-HSMT có yêu cầu, nhà thầu phải đề xuất thời gian làm việc của nhân sự chủ chốt không ngắn hơn thời gian quy định tại E-BDL.</p> <p>14.4. Trường hợp gói thầu đã áp dụng mời quan tâm, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự quan tâm thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
15. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT	<p>15.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại E-BDL.</p> <p>15.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p>
16. Thời điểm đóng thầu	<p>16.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>16.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
17. Nộp, rút và	17.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng.

<p>Sửa đổi E-HSDT</p>	<p>Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) thay mặt liên danh nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>17.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá.</p> <p>17.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì nhà thầu bị đánh giá là không bảo đảm uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT. Khi rút E-HSDT, Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>17.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ E-HSDT của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi E-HSMT và nhà thầu không nộp E-HSDT mới để phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.</p>
<p>18. Mở E-HSDXKT</p>	<p>18.1. Bên mời thầu phải tiến hành mở E-HSDXKT và công khai biên bản mở E-HSDXKT trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 hoặc 02 nhà thầu nộp E-HSDT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng tải E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.</p> <p>18.2. Biên bản mở E-HSDXKT được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu: - Số E-TBMT;</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSDXKT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
<p>19. Đánh giá E-HSDXKT</p>	<p>19.1. Bên mời thầu áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSDXKT.</p> <p>19.2. Quy trình đánh giá E-HSDXKT như sau:</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu đối với các nội dung: <ul style="list-style-type: none"> + Tư cách hợp lệ của nhà thầu; + Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu. <p>Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống tự động đánh giá về trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống của Nhà thầu. - Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh). - Đối với nội dung về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của nhà thầu được Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT và nhà thầu không phải đính kèm các tài liệu để chứng

minh khi nộp E-HSDT.

- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về Kỹ thuật.

b) Bước 2: Tổ chuyên gia đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 2 Chương III:

- Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong tài liệu đính kèm trong E-HSDT để đánh giá. Trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hợp đồng tương tự hoặc thông tin hợp đồng tương tự kê khai trong tài liệu đính kèm E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc.

- Đối với nội dung giải pháp, phương pháp luận: Tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở file đính kèm.

- Đối với nội dung nhân sự chủ chốt: Tổ chuyên gia đánh giá theo thông tin nhân sự kê khai trên webform và trong tài liệu đính kèm. Đối với một vị trí nhân sự chủ chốt, E-HSDT chào thầu hoặc thiếu số lượng theo yêu cầu của E-HSMT thì không đáp ứng về kỹ thuật.

- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá, nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được mở E-HSDXTC để đánh giá theo quy định tại Mục 20 E-CDNT và Mục 21 E-CDNT.

- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật: nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất được mở E-HSDXTC theo quy định tại Mục 20 E-CDNT để thương thảo theo quy định tại Mục 27 E-CDNT.

- Nhà thầu có E-HSDXKT không đáp ứng sẽ không được mở E-HSDXTC để đánh giá.

- Bên mời thầu đăng tải danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật lên Hệ thống.

19.3. Nguyên tắc đánh giá E-HSDXKT:

Đối với các nội dung Hệ thống đánh giá tự động bao gồm: tư cách hợp lệ, nhà thầu không có nhân sự bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về dấu đầu gây hậu quả nghiêm trọng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT thì Hệ thống sẽ đánh giá nhà thầu "không đạt" ở nội dung này. Tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ "không đạt" thành "đạt" khi Hệ thống đã đánh giá "không đạt". Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận.

<p>20. Mở E-HSDXTC</p>	<p>20.1. E-HSDXTC của các nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất (đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật) sẽ được Bên mời thầu tiến hành mở và công khai trên Hệ thống.</p> <p>20.2. Biên bản mở E-HSDXTC được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; <p>b) Thông tin về các nhà thầu được mở E-HSDXTC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (Hệ thống tự động tính toán giá dự thầu sau giảm giá) - Điểm kỹ thuật của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật, điểm kỹ thuật của nhà thầu xếp thứ nhất đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật; - Thời gian có hiệu lực của E-HSDXTC; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
<p>21. Đánh giá E-HSDXTC và xếp hạng nhà thầu</p>	<p>21.1. Đánh giá E-HSDXTC theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>21.2. Sau khi đánh giá về giá, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. Trường hợp thương thảo không thành công, bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng. Trường hợp có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về giá thì không cần phải xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p> <p>21.3. Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin trên</p>

	webform là cơ sở để xem xét, đánh giá.
22. Bảo mật	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT, đòi chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
23. Làm rõ E-HSDT	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của Bên mời thầu, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong E-HSDT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT.</p> <p>23.4. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, bảo hành, bảo trì mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p> <p>23.5. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSDT sau thời điểm đóng thầu.</p>

	<p>23.6. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.7. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư, Bên mời thầu được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p>
<p>24. Hiệu chỉnh sai lệch đối với loại hợp đồng theo thời gian</p>	<p>24.1. Hiệu chỉnh sai lệch không áp dụng với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh. Giá dự thầu mà nhà thầu đề xuất trong đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo phạm vi công việc nêu trong E-HSMT.</p> <p>24.2. Đối với hợp đồng theo thời gian, trường hợp có sự khác biệt giữa đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính về số lượng nhân sự tham gia thực hiện gói thầu, số ngày công, số lượng trong từng hạng mục chi phí ngoài lương, số lượng trong các yếu tố đầu vào khác đã chào trong đề xuất kỹ thuật và đề xuất tài chính thì số lượng thuộc đề xuất về kỹ thuật là cơ sở để sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch. Việc hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp này được thực hiện theo số lượng, khối lượng nêu trong đề xuất kỹ thuật với đơn giá nêu trong đề xuất tài chính.</p>
<p>25. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu</p>	<p>25.1. Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được nhà thầu trúng thầu:</p> <p>a) Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có);</p> <p>b) Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn hoặc có số tiêu chí đánh giá về kỹ thuật ở mức chấp nhận được ít hơn đối với trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất; trao thầu cho nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp hơn đối với gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;</p> <p>c) Trao thầu cho nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói thầu;</p> <p>d) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p> <p>đ) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là dân tộc thiểu số từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p>

	<p>e) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là nữ giới từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p> <p>g) Cho phép các nhà thầu này chào lại giá dự thầu để lựa chọn nhà thầu có giá chào thấp nhất. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Việc chào lại giá dự thầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP;</p> <p>25.2. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại Mục 25.1 E-CDNT, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.</p>
<p>26. Nhà thầu phụ</p>	<p>26.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện một hoặc một số hạng mục công việc của gói thầu. Nhà thầu phải kê khai nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ theo Mẫu số 10 Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho nhà thầu phụ.</p> <p>26.2. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc gói thầu.</p> <p>26.3. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại E-BDL. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thỏa thuận liên danh.</p> <p>26.4. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.</p> <p>26.5. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu đó, bao gồm: lập, thẩm định E-HSMQT, E-HSMT; đánh giá E-HSQT, E-HSDT; thẩm định kết quả mời quan tâm, kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng; tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn</p>

	<p>này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu</p>
<p>27. Đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng</p>	<p>27.1. Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho Bên mời thầu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT.</p> <p>27.2. Đối với thông tin về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, Bên mời thầu chỉ đối chiếu nếu nhà thầu cập nhật thông tin mà không đối chiếu trong trường hợp các thông tin trên do Hệ thống tự động trích xuất từ Hệ thống tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử.</p> <p>Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc - Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế. <p>27.3. Đối với các nội dung về tính hợp lệ, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế đã được Hệ thống đánh giá tự động là "đạt" theo thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT mà tổ chuyên gia đánh giá lại là "không đạt" thì tổ chuyên gia chỉnh sửa lại kết quả đánh giá từ "đạt" thành "không đạt". Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.</p>

Trường hợp phát hiện nhà thầu kê khai không trung thực (bao gồm cả số liệu về thuế do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thuế điện tử) dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận quy định tại Mục 4.4 E-CDNT. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được tiếp tục thương thảo hợp đồng.

27.4. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:

- a) Báo cáo đánh giá E-HSDT;
- b) E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT (nếu có) của nhà thầu;
- c) E-HSMT bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng và các tài liệu làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có).

27.5. Nội dung thương thảo hợp đồng:

- a) Việc thương thảo bao gồm thảo luận điều khoản tham chiếu, phương pháp luận được đề xuất, điều kiện cụ thể của hợp đồng và hoàn thiện phần “Mô tả dịch vụ” của hợp đồng với điều kiện không làm thay đổi đáng kể phạm vi dịch vụ ban đầu theo điều khoản tham chiếu hay điều khoản của hợp đồng;
- b) Kế hoạch công tác và bố trí nhân sự;
- c) Tiên độ;
- d) Giải quyết thay đổi nhân sự (nếu có);
- đ) Bổ trí điều kiện làm việc;
- e) Thương thảo về chi phí dịch vụ tư vấn trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của gói thầu và điều kiện thực tế, bao gồm việc xác định rõ các khoản thuế nhà thầu phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế (nếu có), phương thức nộp thuế (nhà thầu trực tiếp nộp thuế hoặc Chủ đầu tư giữ lại một khoản tiền tương đương với giá trị thuế để nộp thay cho nhà thầu theo quy định của pháp luật hiện hành), giá trị nộp thuế và các vấn đề liên quan khác đến nghĩa vụ nộp thuế phải được nêu cụ thể trong hợp đồng;
- g) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;
- h) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT, trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả

	<p>kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu được thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm các nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.</p> <p>27.6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-DKCT của hợp đồng.</p> <p>27.7. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT.</p> <p>27.8. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể đến thương thảo hợp đồng trực tiếp với Bên mời thầu, Bên mời thầu có thể xem xét, thương thảo qua mạng.</p> <p>27.9. Bên mời thầu gửi thông báo thương thảo, đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên Hệ thống. Trong thông báo mời thương thảo, đối chiếu tài liệu phải ghi rõ địa điểm, thời gian thương thảo, đối chiếu tài liệu phù hợp để bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến thương thảo, đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Bên mời thầu.</p>
<p>28. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>28.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <p>28.2. Có đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>28.3. Có giá dự thầu thấp nhất đối với phương pháp giá thấp nhất; có điểm kỹ thuật cao nhất đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật; có điểm tổng hợp cao nhất đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;</p> <p>28.4. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>29. Hủy thầu</p>	<p>29.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong E-HSMT;</p>

	<p>c) E-HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>29.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 29.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p>
<p>30. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</p>	<p>30.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng. <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Diễm Kỹ thuật; - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng.

	<p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>30.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp Chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>30.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
<p>31. Tùy chọn mua thêm</p>	<p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư với nhà thầu thỏa thuận mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu. Phần công việc mua bổ sung phải tương tự với phần công việc nêu trong hợp đồng đã ký và đã có đơn giá. Khối lượng dịch vụ bổ sung này không được sử dụng để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với nhà thầu liên danh, việc phân chia trách nhiệm thực hiện khối lượng bổ sung theo tùy chọn mua thêm thực hiện theo tỷ lệ phân chia công việc theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</p>
<p>32. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng</p>	<p>Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 17 Chương VIII cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng được tính kể từ ngày Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.</p>
<p>33. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng</p>	<p>Hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng thực hiện như sau:</p> <p>33.1. Việc hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở sau đây:</p> <p>a) Dự thảo hợp đồng;</p> <p>b) Các nội dung cần được hoàn thiện hợp đồng giữa Bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu;</p> <p>c) Kết quả lựa chọn nhà thầu được duyệt;</p> <p>d) Biên bản thương thảo hợp đồng;</p>

	<p>đ) Các nội dung nêu trong E-HSDT và văn bản giải thích làm rõ E-HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có);</p> <p>e) Các yêu cầu nêu trong E-HSMT và văn bản làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có).</p> <p>33.2. Sau khi nhận được thông báo trúng thầu, trong thời hạn quy định tại E-BDL, các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng. Quá thời hạn nêu trên, nếu nhà thầu từ chối vào hoàn thiện, Ký kết hợp đồng thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó và quyết định lựa chọn nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. Trong trường hợp đó, nhà thầu sẽ được Bên mời thầu yêu cầu gia hạn hiệu lực E-HSDT, nếu cần thiết.</p> <p>33.3. Trường hợp nhà thầu trúng thầu từ chối hoàn thiện, Ký kết hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì Chủ đầu tư đăng tải thông tin nhà thầu vi phạm lên Hệ thống để các Chủ đầu tư, Bên mời thầu có cơ sở đánh giá về uy tín của nhà thầu trong các lần tham dự thầu tiếp theo.</p> <p>33.4. Sau khi hoàn thiện hợp đồng, Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ ký kết hợp đồng. Tại thời điểm Ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p>
<p>34. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</p>	<p>34.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Người có thẩm quyền, Chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 89, 90 và 91 của Luật Đấu thầu.</p> <p>34.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL.</p>
<p>35. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu</p>	<p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại E-BDL.</p>

Chương II - BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1

Tên Chủ đầu tư: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HUẾ

E-CDNT 1.2

Tên gói thầu: Gói thầu số 09: Tư vấn khảo sát giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công; lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán

Tên dự án/dự toán mua sắm: Khu tái định cư đường Tố Hữu nói dài, thị xã Hương Thủy

E-CDNT 3

Nguồn vốn: Ngân sách thành phố

E-CDNT 5.1 (c)

Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:

- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với:
- Chủ đầu tư: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HUẾ.
- Địa chỉ chủ đầu tư: Số 07, đường Diềm Phùng Thị, Phường Võ Dạ, Quận Thuận Hóa, Thành phố Huế.
- Bên mời thầu: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HUẾ.
- Địa chỉ bên mời thầu: Số 07, đường Diềm Phùng Thị, Phường Võ Dạ, Quận Thuận Hóa, Thành phố Huế.
- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau:

Vai trò	Tên nhà thầu	Địa chỉ
Tư vấn lập E-HSMT	Tổ chuyên gia đầu thầu thuộc Ban QLDA Đầu tư xây dựng và	Địa chỉ: Số 07 đường Diềm Phùng Thị, phường Võ Dạ,

	Phát triển đô thị thành phố Huế	quận Thuận Hoá, thành phố Huế
Tư vấn thẩm định E-HSMT	Phòng Kế hoạch Thẩm định thuộc Ban QLDA Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị thành phố Huế	Địa chỉ: Số 07 đường Diềm Phùng Thị, phường Võ Dạ, quận Thuận Hoá, thành phố Huế
Tư vấn đánh giá E-HSD'I	Tổ chuyên gia đầu thầu thuộc Ban QLDA Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị thành phố Huế	Địa chỉ: Số 07 đường Diềm Phùng Thị, phường Võ Dạ, quận Thuận Hoá, thành phố Huế
Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Phòng Kế hoạch Thẩm định thuộc Ban QLDA Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị thành phố Huế	Địa chỉ: Số 07 đường Diềm Phùng Thị, phường Võ Dạ, quận Thuận Hoá, thành phố Huế

Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên) ! .

Trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập, nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, Bên mời thầu, trừ trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó.

- Trường hợp nhà thầu, chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu tư vấn là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước thì được tham dự thầu của nhau theo quy định của pháp luật: “(i) Nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó. (ii) Nhà thầu là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước mà sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu thuộc ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và gói thầu này là của công ty con, công ty thành viên”

- Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu.

Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n \text{Xi x Yi}$$

Trong đó:

Xi: Là tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i;

Yi: Là tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh;

n: Là số thành viên tham gia trong liên danh.

¹Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp.

E-CDNT 7.3

Hội nghị tiền đấu thầu: Không

E-CDNT 8

Chi phí nộp E-HSDT: 330.000 VND

E-CDNT 10.3

Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây: Nhà thầu phải có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng do cấp có thẩm quyền (Bộ Xây dựng hoặc Sở Xây dựng địa phương nơi nhà thầu đăng ký trụ sở chính), cụ thể như sau:

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng, trong đó phạm vi hoạt động công trình Hạ tầng kỹ thuật (cấp nước, thoát nước) tối thiểu hạng III; Thiết kế xây dựng công trình giao thông (đường bộ) tối thiểu hạng III; Khảo sát địa hình, địa chất hạng tối thiểu hạng III (còn hiệu lực); Giấy phép hoạt động điện lực lĩnh vực tư vấn thiết kế đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35kV (còn hiệu lực); Nhà thầu hoặc Nhà thầu phụ phải có Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn thiết kế về PCCC (còn hiệu lực) do cấp có thẩm quyền cấp

E-CDNT 12.2

Phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia: Không yêu cầu

E-CDNT 14.3

Đề xuất thời gian làm việc của nhân sự chủ chốt: Không áp dụng

E-CDNT 15.1

Thời gian có hiệu lực của E-HSDT: ≥ 150 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

E-CDNT 19.1

Phương pháp đánh giá E-HSDT là:

Đánh giá về kỹ thuật: Chấm điểm

Đánh giá về giá: Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá

E-CDNT 21.2

Xếp hạng nhà thầu: nhà thầu có điểm tổng hợp cao nhất được xếp thứ nhất

E-CDNT 26.3

Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 20 % giá dự thầu của nhà thầu

E-CDNT 28.4

Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: - Trọn gói và đơn giá cố định

E-CDNT 31

Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng;

E-CDNT 33.2

Các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu.

E-CDNT 34.2

- Người có thẩm quyền: Chủ tịch UBND thành phố Huế.
- + Địa chỉ: 16 Lê Lợi, phường Vĩnh Ninh, quận Thuận Hóa, thành phố Huế.
- + E-mail: ubndtth@thuathienhue.gov.vn.
- Bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng tư vấn:
- + Địa chỉ: 07 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, quận Thuận Hóa, thành phố Huế.
- + E-mail: .

E-CDNT 35

- Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát:
- Tên tổ chức, cá nhân là: Sở Tài chính thành phố Huế.
- Địa chỉ: 07 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, quận Thuận Hóa, thành phố Huế.
- Số điện thoại: .
- Số fax: .

Chương III: TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

STT	Nội dung
1	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1)(<i>Vi dụ: thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022</i>);
2	Trường hợp nhà thầu liên danh thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này;
3	Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;
4	Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT;
5	Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống;
6	Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật quản lý ngành và lĩnh vực (nếu có). Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

2.1. Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng E-HSDT được thực hiện theo phương pháp chấm điểm, trong đó phải quy định mức điểm tối đa đối với các tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết; quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát và chi tiết của các nội dung giải pháp và phương pháp luận, nhân sự chủ chốt. Đối với tiêu chuẩn về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu, căn cứ tính chất gói thầu để xác định sự cần thiết quy định hoặc không quy định điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát này. Việc đánh giá hợp đồng tương tự của nhà thầu liên danh căn cứ vào khối lượng công việc của từng thành viên trong liên danh đảm nhận. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật bao gồm các nội dung sau đây:

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
1	Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu (Từ 0 đến 15% tổng số điểm)	10		
1.1	Kinh nghiệm về tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán giai đoạn lập thiết kế bản vẽ thi công: Trong vòng 03 năm (Năm 2022-2023-2024) đã thực hiện hoàn thành các gói thầu (công trình) tương tự với tư cách là Nhà thầu chính đáp ứng như sau: 01 Công trình Hạ tầng kỹ thuật cấp III trở lên. Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu sau để chứng minh công trình tương tự do mình cung cấp ((Bản Scan từ bản gốc hoặc từ bản được chứng thực)): (i) Hợp đồng tư vấn; (ii) Biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng; (iii) Quyết định phê duyệt dự án hoặc phê duyệt thiết kế hoặc các tài liệu pháp lý tương đương khác để chứng minh quy mô và cấp công trình. *Trường hợp Nhà thầu tư vấn cung cấp thiếu 01 trong	6	a. Đã thực hiện >=3 hợp đồng: 6 điểm; b. Đã thực hiện 2 hợp đồng: 4 điểm; c. Đã thực hiện 1 hợp đồng: 2 điểm; d. Không có Hợp đồng: 0 điểm.	

	<p>03 tài liệu nêu trên thì sẽ không được tính điểm tương ứng với hợp đồng đó (Bên mời thầu không chấp nhận bất cứ lý do gì từ phía nhà thầu về việc không cung cấp được 01 trong 03 loại hồ sơ trên theo yêu cầu). Trường hợp cần thiết, Bên mời thầu có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp bản gốc của các tài liệu để chứng minh.</p> <p>* Đối với liên danh dự thầu: Kinh nghiệm của liên danh được tính là tổng kinh nghiệm của các thành viên trong liên danh. Kinh nghiệm của tổng liên danh phải tương đương như nhà thầu độc lập và kinh nghiệm mỗi thành viên liên danh phải đáp ứng phần công việc mà nhà thầu đảm nhận.</p>			
1.2	<p>Kinh nghiệm về Tư vấn khảo sát xây dựng (bao gồm cả công tác khảo sát địa hình và khảo sát địa chất) giai đoạn thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở: Trong vòng 03 năm (Năm 2022-2023-2024) đã thực hiện hoàn thành các gói thầu (công trình) tương tự với tư cách là Nhà thầu chính đáp ứng yêu cầu sau: Hợp đồng tư vấn khảo sát xây dựng (bao gồm cả công tác khảo sát địa hình và khảo sát địa chất). Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu sau để chứng minh công trình tương tự do mình cung cấp ((Bản Scan từ bản gốc hoặc từ bản được chứng thực)): (i) Hợp đồng tư vấn; (ii) Biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng.</p> <p>*Trường hợp Nhà thầu tư vấn cung cấp thiếu 01 trong</p>	3	<p>a. Đã thực hiện ≥ 3 hợp đồng: 3 điểm; b. Đã thực hiện 2 hợp đồng: 2 điểm; c. Đã thực hiện 1 hợp đồng: 1 điểm; d. Không có Hợp đồng: 0 điểm.</p>	

	<p>02 tài liệu nêu trên thì sẽ không được tính điểm tương ứng với hợp đồng đó (Bên mời thầu không chấp nhận bất cứ lý do gì từ phía nhà thầu về việc không cung cấp được 01 trong 02 loại hồ sơ trên theo yêu cầu). Trong trường hợp cần thiết, Bên mời thầu có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp bản gốc của các tài liệu để chứng minh.</p> <p>* Đối với liên danh dự thầu: Kinh nghiệm của liên danh được tính là tổng kinh nghiệm của các thành viên trong liên danh. Kinh nghiệm của tổng liên danh phải tương đương như nhà thầu độc lập và kinh nghiệm mỗi thành viên liên danh phải đáp ứng phần công việc mà nhà thầu đảm nhận.</p>			
1.3	<p>Nhà thầu hoặc Nhà thầu phụ có phòng thí nghiệm có thể thực hiện thí nghiệm các chỉ tiêu liên quan đến công tác khảo sát địa hình, địa chất (kèm theo tài liệu chứng minh)</p>	1	<p>a. Đáp ứng yêu cầu: 1,0 điểm; b. Không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm.</p>	
2	<p>Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu (5% tổng số điểm)</p>	5		
2.1	<p>Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu:</p>	5	<p>Trong vòng 03 năm gần nhất (Năm 2022-2023-2024):</p> <p>1. Không có các hành vi vi phạm trong quá trình tham dự thầu quy định tại khoản 1 Điều 18 của Nghị</p>	

			<p>định số 24/2024/NĐ-CP và khoản 5 Điều 2 Nghị định số 17/2025/NĐ-CP: 5 điểm</p> <p>Trong trường hợp liên danh: Yêu cầu mỗi thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu như nhà thầu độc lập.</p> <p>2. Có ít nhất 01 hành vi vi phạm trong quá trình tham dự thầu quy định tại khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và khoản 5 Điều 2 Nghị định số 17/2025/NĐ-CP: 0 điểm.</p>		21
3	Giải pháp và phương pháp luận (Từ 30 đến 40% tổng số điểm)	30			
3.1	Am hiểu về mục tiêu và nhiệm vụ của dự án đã nêu trong điều khoản tham chiếu (Tu vấn thiết kế và khảo sát xây dựng)	7		a. Am hiểu rõ, đầy đủ về phạm vi, quy mô của dự án, mục đích, yêu cầu và nhiệm vụ của gói thầu nêu trong điều khoản tham chiếu; Hiểu rõ mối quan hệ giữa Nhà tư vấn với	

3.2	Khảo sát hiện trường dự án, mô tả về vị trí của từng vị	3	<p>Chủ đầu tư và với các Sở/ Ban/Ngành có liên quan, ...trong quá trình thực hiện hợp đồng tư vấn (từ khảo sát địa chất, lập thiết kế; thẩm định, phê duyệt, ...): 5-7 điểm; b. Am hiểu rõ, đầy đủ về phạm vi, quy mô của dự án, mục đích, yêu cầu và nhiệm vụ của gói thầu nêu trong điều khoản tham chiếu; Hiểu rõ mối quan hệ giữa Nhà tư vấn với Chủ đầu tư và với các Sở/ Ban/Ngành có liên quan, ...trong quá trình thực hiện hợp đồng tư vấn (từ khảo sát xây dựng, lập thiết kế; thẩm định, phê duyệt,...) nhưng nội dung còn sơ sài: 2-4 điểm; c. Trình bày không đầy đủ nội dung; nội dung không đúng và sai khác yêu cầu: 0-1 điểm.</p> <p>a. Có khảo sát hiện trường</p>
-----	---	---	--

	<p>trí xây dựng công trình</p>		<p>dự án, có thuyết minh về vị trí của dự án (kèm hình ảnh minh họa cụ thể để chứng minh): 2-3 điểm; b. Thuyết minh về vị trí của dự án nhưng sơ sài hoặc không có hình ảnh minh họa cụ thể: 1 điểm; c. Không có thuyết minh về vị trí của dự án và không có hình ảnh minh họa cụ thể: 0 điểm.</p>	
<p>3.3</p>	<p>Cách tiếp cận và phương pháp luận do nhà thầu tư vấn đề xuất: - Đề xuất phương pháp luận về phương án thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở (thiết kế bản vẽ thi công) và khảo sát xây dựng... các hạng mục công việc quy định trong điều khoản tham chiếu và được phân chia thành những nhiệm vụ cụ thể một cách khoa học và logic và tuân thủ thiết kế cơ sở đã được duyệt (kèm theo trong E-HSMT), trong đó có sự phân công từng chuyên gia tư vấn tham gia thực hiện gói thầu phù hợp với chứng chỉ hành nghề được cấp. - Các nội dung công việc khác có liên quan theo yêu cầu trong nhiệm vụ tư vấn và thực tế hiện trạng công trình nhằm đảm bảo công trình đạt chất lượng hơn, tăng thẩm mỹ và tiết kiệm chi phí, phù hợp với hiện trạng nơi xây dựng.</p>	<p>5</p>	<p>a. Phương pháp luận trình bày phù hợp với nhiệm vụ và thiết kế cơ sở nhưng trình bày sơ sài không đầy đủ các hạng mục, nội dung không đáp ứng: 3-5 điểm. b. Phương pháp luận trình bày không phù hợp với nhiệm vụ và không đúng thiết kế cơ sở, không phù hợp với các hạng mục yêu cầu: 0-3 điểm.</p>	

3.4	<p>Sáng kiến cải tiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất các sáng kiến cải tiến nhằm thực hiện tốt hơn và hiệu quả hơn các công việc nâng cao hiệu quả thực hiện gói thầu và thực hiện dự án, trong đó ưu tiên các đề xuất nhằm hoàn thành toàn bộ các nội dung công việc thuộc gói thầu ngân nhất (dưới 60 ngày). Có thể đề xuất thực hiện các giải pháp thiết kế (nếu có) nhằm tăng hiệu quả sử dụng hoặc điều chỉnh, bổ sung thiết kế (so với thiết kế cơ sở) để công trình đạt công năng cao hơn và tiết kiệm chi phí. - Văn bản gửi Chủ đầu tư đề nghị thẩm định giá đối với các loại vật tư, vật liệu, thiết bị,...không có trong thông báo giá của Liên sở Xây dựng-Tài Chính thành phố Huế để Chủ đầu tư tổ chức thẩm định giá. 	3	<p>a. Đề xuất các sáng kiến cải tiến nhằm thực hiện tốt hơn và hiệu quả hơn các công việc nâng cao hiệu quả thực hiện gói thầu và thực hiện dự án, trong đó ưu tiên các đề xuất nhằm hoàn thành toàn bộ các nội dung công việc thuộc gói thầu ngân nhất (dưới 60 ngày). Có thể đề xuất thực hiện các giải pháp thiết kế (nếu có) nhằm tăng hiệu quả sử dụng hoặc điều chỉnh, bổ sung thiết kế (so với thiết kế cơ sở) để công trình đạt công năng cao hơn và tiết kiệm chi phí và Cam kết có Văn bản gửi Chủ đầu tư đề nghị thẩm định giá đối với các loại vật tư, vật liệu, thiết bị,...không có trong thông báo giá của Liên sở Xây dựng-Tài Chính thành phố Huế để Chủ đầu tư tổ chức thẩm định giá:</p>
-----	--	---	---

			2-3 điểm. b. Có đề xuất sáng kiến nhưng trình bày còn sơ sài, chưa phù hợp với gói thầu và không đề xuất các giải pháp rút ngắn thời gian thực hiện hợp đồng và Có cam kết: 1 điểm. c. Không đưa ra được các sáng kiến cải tiến hoặc không có Cam kết: 0 điểm.	
3.5	Cách trình bày đề xuất	2	a. Đề xuất được kết cấu và trình bày một cách hoàn chỉnh, hợp lý, dễ theo dõi: 2 điểm. b. Đề xuất chưa hoàn chỉnh, chưa thật sự thuyết phục, chưa hợp lý: 0,5÷1 điểm. c. Đề xuất trình bày một cách sơ sài, thiếu thuyết phục: 0 điểm.	
3.6	Kế hoạch triển khai: Kế hoạch công việc bao gồm tất cả nhiệm vụ để thực hiện gói thầu. Mỗi một nhiệm vụ cụ thể phải được phân tích, mô tả một cách hoàn chỉnh, phù hợp với phương pháp luận và tiến độ dự kiến. Có sơ đồ và tiến độ kế hoạch triển khai ≤ 60 ngày, kèm theo bảng biểu mô tả kế hoạch thực hiện công việc và	6	a. Có kế hoạch công việc đáp ứng đầy đủ, hoàn chỉnh các yêu cầu như trên: 4-6 điểm. b. Có kế hoạch công việc bao gồm các nhiệm vụ để thực hiện	

	<p>tiến độ nộp báo cáo phù hợp với tiến độ thực hiện công việc, trong đó cần có các mốc cụ thể như sau: - Thời gian lập phương án khảo sát để trình chủ đầu tư thẩm định, phê duyệt - Thời gian hoàn thành báo cáo kết quả khảo sát.- Thời gian thiết kế và hoàn chỉnh thiết kế dự toán để Chủ đầu tư đủ điều kiện trình thẩm tra, thẩm định.</p>		<p>gói thầu. Có mô tả mỗi một nhiệm vụ cụ thể phù hợp với phương pháp luận và tiến độ dự kiến nhưng còn sơ sài. Có sơ đồ và tiến độ kế hoạch triển khai ≤ 60 ngày. Bảng biểu mô tả kế hoạch thực hiện công việc và tiến độ nộp báo cáo phù hợp với tiến độ thực hiện công việc: 2-3 điểm. c. Không có hoặc có kế hoạch công việc bao gồm các nhiệm vụ để thực hiện gói thầu nhưng không mô tả từng nhiệm vụ cụ thể. Không có sơ đồ và tiến độ kế hoạch triển khai hoặc có tiến độ > 60 ngày và không có bảng biểu mô tả kế hoạch thực hiện công việc và tiến độ nộp báo cáo: 0-1 điểm.</p>	
3.7	Bố trí nhân sự (Lưu ý: Nhân sự do Nhà thầu bố trí phải đạt yêu cầu của E-*HSMT nêu tại Mục 4 (Nhân sự) thì	2	a. Thời điểm và thời gian bố trí nhân sự phù hợp với	

	mới được tính điểm)		<p>kế hoạch triển khai, tiến độ công việc. Bó trí đầy đủ nhân sự theo quy định của E-HSMT: 2 điểm. b. Bó trí nhân sự không phù hợp với kế hoạch triển khai, tiến độ công việc. Bó trí không đầy đủ nhân sự theo quy định của E-HSMT: 0÷1 điểm. - Thiếu 01 nhân sự tại Mục 4 trừ 0,5 điểm và trừ đến khi hết 02 điểm.</p>	
3.8	Các yếu tố khác	2	<p>Nhà thầu phải có ít nhất: 01 Máy toàn đạc điện tử; 01 Máy khoan. Có tài liệu chứng minh kèm theo kê khai chủng loại, xuất xứ, chất lượng hiện tại, sở hữu của Nhà thầu tư vấn. Trường hợp đi thuê thì phải có hợp đồng thuê thiết bị và tài liệu chứng minh thiết bị thuộc sở hữu của bên cho thuê. Trong tất cả các trường hợp, nhà</p>	

			<p>thầu phải chứng minh khả năng huy động để đáp ứng yêu cầu của gói thầu. Tất cả các thiết bị máy móc phục vụ cho công tác tư vấn, đặc biệt là các thiết bị phục vụ công tác khảo sát địa hình, địa chất đều phải kiểm định trước khi đưa vào sử dụng (Nhà thầu có cam kết trong E-HSDT): 02 điểm; Không bố trí 01 Máy toàn đạc điện tử; 01 Máy khoan. Không có tài liệu chứng minh quyền sở hữu thiết bị của nhà thầu tư vấn hoặc bên cho thuê hoặc thiết bị không được kiểm định và Nhà thầu không có cam kết: 0 điểm. - Thiếu 01 máy mỗi loại trừ 1 điểm và trừ đến khi hết 02 điểm.</p>	38,5
4	Nhân sự chủ chốt (Từ 50 đến 60% tổng số điểm)	55		
	Vị trí			
	Số			

4.1	Chủ nhiệm thiết kế (Không được kiêm nhiệm với bất kỳ chức danh nào khác tại gói thầu này)	1	10	Yêu cầu tài liệu chứng minh gồm: a. Chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật từ hạng III trở lên hoặc Chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình giao thông (đường bộ) từ hạng III trở lên (còn hiệu lực). b. Có tài liệu chứng minh về các hợp đồng đã thực hiện (Hợp đồng tư vấn đã thực hiện và xác nhận của Chủ đầu tư về các hợp đồng đã thực hiện). * Nếu không đáp ứng một trong 02 yêu cầu trên thì được tính là 0 điểm.
4.1.1	Chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật từ hạng III trở lên hoặc Chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình giao thông (đường bộ) từ hạng III trở lên (còn hiệu lực)		1,5	a. Có Chứng chỉ hành nghề đáp ứng yêu cầu: 1,5 điểm; b. Chứng chỉ hành nghề không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm.
4.1.2	Số năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên		2,5	a. Từ 15 năm trở lên: 2,5

	quan (tính từ ngày cấp bằng tốt nghiệp)			điểm; b. Từ 10 - < 15 năm: 2 điểm; c. Từ 5 - < 10 năm: 1 điểm; d. Dưới 5 năm: 0 điểm.	
4.1.3	Kinh nghiệm chủ nhiệm thiết kế công trình Hạ tầng kỹ thuật/công trình giao thông từ cấp III trở lên	6		a. Đã thực hiện ≥ 6 công trình: 6 điểm; b. Đã thực hiện 4-5 công trình: 4-5 điểm; c. Đã thực hiện 1-3 công trình: 1-3 điểm; d. Chưa thực hiện: 0 điểm.	
4.2	Chủ trì thiết kế san nền, cắm mốc phân lô (Không được kiêm nhiệm với bất kỳ chức danh nào khác tại gói thầu này)	1	8	Yêu cầu tài liệu chứng minh gồm các tài liệu như sau: a. Bằng tốt nghiệp Đại học chuyên ngành giao thông/thủy lợi/dân dụng. b. Có tài liệu chứng minh về các hợp đồng đã thực hiện với chức danh Chủ trì thiết kế (Hợp đồng tư vấn đã thực hiện và Xác nhận của Chủ đầu tư về các hợp đồng đã thực hiện để chứng minh). * Nếu không đáp ứng một trong 02 yêu cầu trên thì được tính là 0 điểm.	

4.2.1	Bằng tốt nghiệp Đại học chuyên ngành giao thông/thủy lợi/dân dụng	1	a. Có Bằng tốt nghiệp đại học đáp ứng yêu cầu: 1,0 điểm; b. Bằng tốt nghiệp đại học không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm.	
4.2.2	Số năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan (tính từ ngày cấp bằng tốt nghiệp)	1	a. Từ 7 năm trở lên: 1,0 điểm; b. Từ 5-6 năm: 0,5 điểm; d. Dưới 5 năm: 0 điểm.	
4.2.3	Kinh nghiệm trong vai trò Chủ nhiệm thiết kế công trình Hạ tầng kỹ thuật/công trình giao thông từ cấp III trở lên	6	a. Đã thực hiện từ 3 công trình trở lên: 6 điểm; b. Đã thực hiện từ 1-2 công trình: 2-4 điểm; c. Chưa thực hiện công trình: 0 điểm.	
4.3	Chủ trì thiết kế đường giao thông (Không được kiêm nhiệm với bất kỳ chức danh nào khác tại gói thầu này)	1	Yêu cầu tài liệu chứng minh gồm các tài liệu như sau: a. Chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc thiết kế công trình giao thông (đường bộ) từ hạng III trở lên (còn hiệu lực). b. Có tài liệu chứng minh về các hợp đồng đã thực hiện với chức danh Chủ trì thiết kế	8

					(Hợp đồng tư vấn đã thực hiện và Xác nhận của Chủ đầu tư về các hợp đồng đã thực hiện để chứng minh). * Nếu không đáp ứng một trong 02 yêu cầu trên thì được tính là 0 điểm.	
4.3.1	Chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc thiết kế công trình giao thông (đường bộ) từ hạng III trở lên (còn hiệu lực)	1			a. Có Chứng chỉ hành nghề đáp ứng yêu cầu: 1,0 điểm; b. Chứng chỉ hành nghề không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm.	
4.3.2	Số năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan.	1			a. Từ 7 năm trở lên: 1,0 điểm; b. Từ 5-6 năm: 0,5 điểm; d. Dưới 5 năm: 0 điểm.	
4.3.3	Kinh nghiệm trong vai trò Chủ trì thiết kế đường giao thông trong công trình Hạ tầng kỹ thuật/công trình giao thông từ cấp III trở lên	6			a. Đã thực hiện từ 3 công trình trở lên: 6 điểm; b. Đã thực hiện từ 1-2 công trình: 2-4 điểm; c. Chưa thực hiện công trình: 0 điểm.	
4.4	Chủ trì thiết kế Cấp nước, thoát nước (Không được kiêm nhiệm với bất kỳ chức danh nào khác tại gói thầu này)	1	4		Yêu cầu tài liệu chứng minh gồm các tài liệu như sau: a. Chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng	

					<p>công trình hạ tầng kỹ thuật (Cấp nước, thoát nước) hạng III trở lên (còn hiệu lực). b. Có tài liệu chứng minh về các hợp đồng đã thực hiện với chức danh Chủ trì thiết kế (Hợp đồng tư vấn đã thực hiện và Xác nhận của Chủ đầu tư về các hợp đồng đã thực hiện để chứng minh).</p> <p>* Nếu không đáp ứng một trong 02 yêu cầu trên thì được tính là 0 điểm.</p>
4.4.1	Chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (Cấp nước, thoát nước) hạng III trở lên (còn hiệu lực)	1			<p>a. Có Chứng chỉ hành nghề đáp ứng yêu cầu: 1,0 điểm; b. Chứng chỉ hành nghề không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm.</p>
4.4.2	Số năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan (tính từ ngày cấp bằng tốt nghiệp)	1			<p>a. Từ 7 năm trở lên: 1,0 điểm; b. Từ 5-6 năm: 0,5 điểm; d. Dưới 5 năm: 0 điểm.</p>
4.4.3	Kinh nghiệm trong vai trò chủ trì thiết kế cấp, thoát nước trong công trình Hạ tầng kỹ thuật/công trình giao thông từ cấp III trở lên	2			<p>a. Đã thực hiện từ 3 công trình trở lên: 2 điểm; b. Đã thực hiện từ 1-2 công</p>

				trình: 1 điểm; c. Chưa thực hiện công trình: 0 điểm.	
4.5	Chủ trì thiết kế Hệ thống cấp điện và thông tin liên lạc (Không được kiêm nhiệm với bất kỳ chức danh nào khác tại gói thầu này)	1	4	Yêu cầu tài liệu chứng minh gồm các tài liệu như sau: a. Chứng chỉ hành nghề thiết kế Cơ-điện hạng III trở lên (còn hiệu lực). b. Có tài liệu chứng minh về các hợp đồng đã thực hiện với chức danh Chủ trì thiết kế (Hợp đồng tư vấn đã thực hiện và Xác nhận của Chủ đầu tư về các hợp đồng đã thực hiện để chứng minh). * Nếu không đáp ứng một trong 02 yêu cầu trên thì được tính là 0 điểm.	
4.5.1	Chứng chỉ hành nghề thiết kế Cơ-điện hạng III trở lên (còn hiệu lực)		1	a. Có Chứng chỉ hành nghề đáp ứng yêu cầu: 1,0 điểm; b. Chứng chỉ hành nghề không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm.	
4.5.2	Số năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan (tính từ ngày cấp bằng tốt nghiệp)		1	a. Từ 5 năm trở lên: 1,0 điểm; b. Từ 3-4 năm: 0,5	

				điểm; d. Dưới 3 năm: 0 điểm.	
4.5.3	Kinh nghiệm trong vai trò chủ trì thiết kế Hệ thống cấp điện và thông tin liên lạc trong công trình Hạ tầng kỹ thuật/công trình giao thông từ cấp III trở lên	2		a. Đã thực hiện từ 3 công trình trở lên: 2 điểm; b. Đã thực hiện từ 1-2 công trình: 1 điểm; c. Chưa thực hiện công trình: 0 điểm.	
4.6	Chủ trì thiết kế cây xanh/công viên (Không được kiêm nhiệm với bất kỳ chức danh nào khác tại gói thầu này)	1	4	Yêu cầu tài liệu chứng minh gồm các tài liệu như sau: a. Bằng tốt nghiệp Đại học chuyên ngành cây xanh/lâm nghiệp/trồng trọt. b. Có tài liệu chứng minh về các hợp đồng đã thực hiện với chức danh Chủ trì thiết kế (Hợp đồng tư vấn đã thực hiện và Xác nhận của Chủ đầu tư về các hợp đồng đã thực hiện để chứng minh).	
4.6.1	Bằng tốt nghiệp Đại học chuyên ngành cây xanh/lâm nghiệp/trồng trọt	0,5		a. Có Bằng tốt nghiệp đại học đáp ứng yêu cầu: 1,0 điểm; b. Bằng tốt nghiệp đại học không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm.	

4.6.2	Số năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan (tính từ ngày cấp bằng tốt nghiệp)	0,5	a. Từ 5 năm trở lên: 1,0 điểm; b. Từ 3-4 năm: 0,5 điểm; d. Dưới 3 năm: 0 điểm.	
4.6.3	Kinh nghiệm trong vai trò chủ trì thiết kế cây xanh, công viên trong công trình Hạ tầng kỹ thuật/công trình giao thông từ cấp III trở lên	3	a. Đã thực hiện từ 3 công trình trở lên: 3 điểm; b. Đã thực hiện từ 1-2 công trình: 1-2 điểm; c. Chưa thực hiện công trình: 0 điểm.	
4.7	Chủ trì quản lý chi phí đầu tư xây dựng (lập dự toán xây dựng công trình) (Không được kiêm nhiệm với bất kỳ chức danh nào khác tại gói thầu này)	3	Yêu cầu tài liệu chứng minh gồm các tài liệu như sau: a. Chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng hạng III trở lên (còn hiệu lực). b. Có tài liệu chứng minh về các hợp đồng đã thực hiện với chức danh Chủ trì quản lý chi phí đầu tư xây dựng (Hợp đồng tư vấn đã thực hiện và Xác nhận của Chủ đầu tư về các hợp đồng đã thực hiện để chứng minh). * Nếu không đáp ứng một trong 02 yêu cầu trên thì	

					được tính là 0 điểm.	
4.7.1	Chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng hạng III trở lên (còn hiệu lực)		0,5		a. Có Chứng chỉ hành nghề đáp ứng yêu cầu: 0,5 điểm; b. Chứng chỉ hành nghề không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm.	
4.7.2	Số năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan (tính từ ngày cấp bằng tốt nghiệp)		1		a. Từ 5 năm trở lên: 1,0 điểm; b. Từ 3-4 năm: 0,5 điểm; d. Dưới 3 năm: 0 điểm.	
4.7.3	Kinh nghiệm trong vai trò chủ trì lập dự toán công trình hạ tầng kỹ thuật/giao thông từ cấp III trở lên		1,5		a. Đã thực hiện từ 3 công trình trở lên: 1,5 điểm; b. Đã thực hiện từ 1-2 công trình: 1 điểm; c. Chưa thực hiện công trình: 0 điểm.	
4.8	Chủ trì thiết kế PCCC (Không được kiêm nhiệm với bất kỳ chức danh nào khác tại gói thầu này)	1	2		Yêu cầu tài liệu chứng minh gồm các tài liệu như sau: a. Chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy (còn hiệu lực). b. Có tài liệu chứng minh về các hợp đồng đã thực hiện với chức danh Chủ trì thiết kế (Xác nhận của Chủ đầu tư	

				<p>minh về các hợp đồng đã thực hiện với chức danh Chủ nhiệm khảo sát (Hợp đồng tư vấn đã thực hiện và Xác nhận của Chủ đầu tư về các hợp đồng đã thực hiện để chứng minh).</p> <p>* Nếu không đáp ứng một trong 02 yêu cầu trên thì được tính là 0 điểm.</p>	
4.9.1	Chứng chỉ hành nghề khảo sát địa chất hạng III trở lên (còn hiệu lực)	0,5		<p>a. Có Chứng chỉ hành nghề đáp ứng yêu cầu: 0,5 điểm; b. Chứng chỉ hành nghề không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm.</p>	
4.9.2	Số năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan (tính từ ngày cấp bằng tốt nghiệp)	0,5		<p>a. Từ 5 năm trở lên: 0,5 điểm; b. Dưới 5 năm: 0 điểm.</p>	
4.9.3	Kinh nghiệm trong vai trò chủ nhiệm khảo sát địa chất công trình hạ tầng kỹ thuật/giao thông từ cấp III trở lên	2		<p>a. Đã thực hiện từ 3 công trình trở lên: 2 điểm; b. Đã thực hiện từ 1-2 công trình: 1 điểm; c. Chưa thực hiện công trình: 0 điểm.</p>	
4.10	Chủ nhiệm khảo sát địa hình (Không được kiêm nhiệm với bất kỳ chức danh nào khác)	3	1	Yêu cầu tài liệu chứng minh gồm các tài liệu như	

	tại gói thầu này)			<p>sau: a. Chứng chỉ hành nghề khảo sát địa hình hạng III trở lên (còn hiệu lực). b. Có tài liệu chứng minh về các hợp đồng đã thực hiện với chức danh Chủ nhiệm khảo sát (Hợp đồng tư vấn đã thực hiện và Xác nhận của Chủ đầu tư về các hợp đồng đã thực hiện để chứng minh).</p> <p>* Nếu không đáp ứng một trong 02 yêu cầu trên thì được tính là 0 điểm.</p>	
4.10.1	Chứng chỉ hành nghề khảo sát địa hình hạng III trở lên (còn hiệu lực)	0,5		<p>a. Có Chứng chỉ hành nghề đáp ứng yêu cầu: 0,5 điểm; b. Chứng chỉ hành nghề không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm.</p>	
4.10.2	Số năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan (tính từ ngày cấp bằng tốt nghiệp)	0,5		<p>a. Từ 5 năm trở lên: 0,5 điểm; b. Dưới 5 năm: 0 điểm.</p>	
4.10.3	Kinh nghiệm trong vai trò chủ nhiệm khảo sát địa hình công trình hạ tầng kỹ thuật/giao thông từ cấp III trở lên	2		<p>a. Đã thực hiện từ 3 công trình trở lên: 2 điểm; b. Đã thực hiện từ 1-2 công trình: 1 điểm; c. Chưa</p>	

			thực hiện công trình: 0 điểm.	
4.11	Chủ trì quản lý chi phí đầu tư xây dựng (lập dự toán khảo sát địa hình, địa chất)-(Không được kiêm nhiệm với bất kỳ chức danh nào khác tại gói thầu này)	1	1	Yêu cầu tài liệu chứng minh gồm các tài liệu như sau: a. Chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng hạng III trở lên (còn hiệu lực). b. Có tài liệu chứng minh về các hợp đồng đã thực hiện với chức danh Chủ trì quản lý chi phí đầu tư xây dựng (Hợp đồng tư vấn đã thực hiện và Xác nhận của Chủ đầu tư về các hợp đồng đã thực hiện để chứng minh). * Nếu không đáp ứng một trong 02 yêu cầu trên thì được tính là 0 điểm.
4.11.1	Chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng hạng III trở lên (còn hiệu lực)		0,25	a. Có Chứng chỉ hành nghề đáp ứng yêu cầu: 0,25 điểm; b. Chứng chỉ hành nghề không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm.
4.11.2	Số năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan (tính từ ngày cấp bằng tốt nghiệp)		0,25	a. Từ 5 năm trở lên: 0,25 điểm; b. Từ 3-4 năm: 0,1

				điểm; d. Dưới 3 năm: 0 điểm.	
4.11.3	Kinh nghiệm trong vai trò chủ trì lập dự toán khảo sát địa hình, địa chất công trình từ cấp III trở lên		0,5	a. Đã thực hiện từ 3 công trình trở lên: 0,5 điểm; b. Đã thực hiện từ 1-2 công trình: 0,25 điểm; c. Chưa thực hiện công trình: 0 điểm.	
4.12	Kỹ sư giao thông (thiết kế đường giao thông)-(Không được kiêm nhiệm với bất kỳ chức danh nào khác tại gói thầu này)	2	3	Các yêu cầu như sau: - Có kinh nghiệm thiết kế tương ứng với công việc đảm nhận ≥ 5 năm (tính từ ngày được cấp bằng). - Trường hợp liên danh thì yêu cầu tổng số lượng nhân sự phải đáp ứng như nhà thầu độc lập. Mỗi nhân sự được tính 1,5 điểm	
4.13	Kỹ sư Điện kỹ thuật (Không được kiêm nhiệm với bất kỳ chức danh nào khác tại gói thầu này)	1	1	Các yêu cầu như sau: - Có kinh nghiệm thiết kế tương ứng với công việc đảm nhận ≥ 5 năm (tính từ ngày được cấp bằng). Trường hợp liên danh thì yêu cầu tổng số lượng	

4.14	Kỹ sư Cấp thoát nước (Không được kiêm nhiệm với bất kỳ chức danh nào khác tại gói thầu này)	1	1	nhân sự phải đáp ứng như nhà thầu độc lập.	Các yêu cầu như sau: - Có kinh nghiệm thiết kế tương ứng với công việc đảm nhận ≥ 5 năm (tính từ ngày được cấp bằng).- Trường hợp liên danh thì yêu cầu tổng số lượng nhân sự phải đáp ứng như nhà thầu độc lập.
5	Yêu cầu về chuyên giao công nghệ (nếu có) (Từ 0% đến 10% tổng số điểm)				
5.1	Không yêu cầu				
	Tổng cộng (100%)		100		70

Ghi chú

(1) Thời điểm xác định hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc hoàn thành. Đối với các hợp đồng mà Bên mời thầu, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá. Hợp đồng tương tự được xác định trên cơ sở tương tự về tính chất, không căn cứ vào quy mô (giá trị hợp đồng).

(2) Tùy theo tính chất của gói thầu mà quy định cho phù hợp. Ví dụ: đáp ứng về vật tư, máy móc, thiết bị (thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc đi thuê) để phục vụ công việc thí nghiệm....

(3) *Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Đối với nhà thầu là tư vấn lập hồ sơ mời thầu, uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu còn thể hiện qua số lượng hồ sơ mời thầu bị kết luận có nội dung vi phạm quy định tại*

điểm k khoản 6 Điều 16 và khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu.

(4) Nhà thầu có thể đề xuất nhân sự chủ chốt thuộc biên chế của nhà thầu hoặc đi thuê. Nếu pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định nhân sự phải có trình độ, bằng cấp chuyên môn cụ thể để được cấp giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn thì trong E-HSMT ngoài yêu cầu về giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn không được yêu cầu về trình độ, bằng cấp cụ thể của nhân sự chủ chốt.

2.2 Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Tổng điểm cho các nội dung kinh nghiệm và năng lực, uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng, giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, yêu cầu về chuyên gia công nghệ (nếu có) là 100%.

- *Đối với tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt: chỉ đưa các tiêu chuẩn đánh giá về trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm trên cơ sở phù hợp với vị trí công việc của mỗi nhân sự chủ chốt nêu tại khoản 4 của Bảng số 01 mà không đưa tiêu chuẩn đánh giá đối với nhân sự khác.*

- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất, phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá:

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyên gia công nghệ (nếu có) không được quy định thấp hơn 60% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó (không thấp hơn 70% đối với gói thầu tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù).

E-HSĐT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyên gia công nghệ (nếu có) được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không được quy định thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật (80% đối với gói thầu tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù). E-HSĐT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật:

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyên gia công nghệ (nếu có) không được quy định thấp hơn 70% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó. E-HSĐT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyên gia công nghệ (nếu có) được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không được quy định thấp hơn 80% tổng số điểm về kỹ thuật. E-HSĐT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Phương pháp đánh giá về giá: Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá

Điểm giá được xác định như sau:

$$\text{Điểm giá}_{\text{đang xét}} = \frac{G_{\text{thấp nhất}} \times T}{G_{\text{đang xét}}}$$

Trong đó:

+ Điểm giá_{đang xét}: Điểm giá của E-HSDXTC đang xét;

+ $G_{\text{thấp nhất}}$: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính.

+ $G_{\text{đang xét}}$: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hồ sơ đề xuất về tài chính đang xét (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) của E-HSDXTC đang xét.

+ T: Mức điểm tối đa kỹ thuật.

- Xác định điểm tổng hợp:

Điểm tổng hợp được xác định theo công thức sau đây:

$$\text{Điểm tổng hợp}_{\text{đang xét}} = K \times \text{Điểm kỹ thuật}_{\text{đang xét}} + G \times \text{Điểm giá}_{\text{đang xét}}$$

Trong đó:

+ Điểm kỹ thuật_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về kỹ thuật;

+ Điểm giá_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về giá;

+ K: Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 70% đến 80%; $K (\%) = 70$

+ G: Tỷ trọng điểm về giá quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 20% đến 30%; $G (\%) = 30$

$$+ K + G = 100\%;$$

- Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.

Chương IV: BIỂU MẪU MỜI THẦU

Mẫu số 01A: Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói

1. Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói: Áp dụng

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	Hợp đồng	1

2. Phần công việc dựa trên lương chuyên gia và chi phí khác ngoài lương, áp dụng loại hợp đồng trọn gói: Không áp dụng

Mẫu số 01B: Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất giai đoạn TKBVTC	Hợp đồng	1

MẪU SỐ 02. ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

(thuộc E-HSDXKT)

Ngày: __ [Hệ thống tự trích xuất]

Tên gói thầu: **Gói thầu số 08: Tư vấn khảo sát địa hình địa chất giai đoạn TKBVTC; Tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán**

Kính gửi: **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HUẾ**

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: __ [Hệ thống tự động trích xuất], Mã số thuế: __ [Hệ thống tự động trích xuất] cam kết thực hiện gói thầu

Gói thầu số 08: Tư vấn khảo sát địa hình địa chất giai đoạn TKBVTC; Tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán số E-TBMT: IB2500044929 theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT.

Hiệu lực của E-HSDXKT: __ [Hệ thống tự động trích xuất từ E-TBMT], kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.
4. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (Ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy

định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu⁽²⁾.

5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu.
6. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh).
7. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
8. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực.
9. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

Ghi chú:

- (1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.
- (2) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp Lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

MẪU SỐ 03. THỎA THUẬN LIÊN DANH

Ngày: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Gói thầu: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Thuộc dự án/dự toán mua sắm: **Hạ tầng kỹ thuật khu TDC-02 và TDC-03 thuộc khu B – Đô thị mới An Văn Dương**

Căn cứ⁽¹⁾: [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ⁽¹⁾: [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ E-HSMT gói thầu: **Gói thầu số 08: Tư vấn khảo sát địa hình địa chất giai đoạn TKBVTC; Tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán** với số E-TBMT: **IB2500044929**

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ n: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [*ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- *Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;*

- *Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;*

- *Hình thức xử lý khác _____ [*ghi rõ hình thức xử lý khác*].*

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công _____ [*Hệ thống tự động trích xuất thành viên lập liên danh*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện

cho liên danh trong những phần việc sau⁽²⁾ :

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.

[Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)]

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽³⁾ :

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh (Hệ thống tự động trích xuất)	-	%
2	Tên thành viên thứ 2	-	%
...	...	-	%
...	...	-	%
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu ____ [Hệ thống tự động trích xuất] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [Hệ thống tự động trích xuất] theo thông

báo của Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỪNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

- (1) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
- (2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.
- (3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU TƯ VẤN

A. Cơ cấu tổ chức của nhà thầu

[Mô tả tóm tắt quá trình hình thành và tổ chức của nhà thầu (trường hợp liên danh thì mô tả tổ chức của mỗi thành viên trong liên danh). Mô tả số lượng chuyên gia tư vấn chuyên ngành mà nhà thầu ký hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn và nêu rõ số năm kinh nghiệm của từng chuyên gia].

B. Kinh nghiệm của nhà thầu

Các gói thầu DVTV tương tự do nhà thầu thực hiện trong vòng _____ [Ghi số năm]¹ năm gần đây.

Nhà thầu phải sử dụng bảng sau để kê khai cho mỗi DVTV tương tự như DVTV được yêu cầu trong gói thầu này mà nhà thầu đã thực hiện (với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác hoặc là nhà thầu phụ). Đối với từng công việc tương tự, nhà thầu tư vấn phải cung cấp bản tóm tắt bao gồm tên của nhân sự chủ chốt và nhà thầu phụ của nhà thầu đã tham gia, thời gian thực hiện công việc, giá hợp đồng (trường hợp nhà thầu tham dự thầu là thành viên liên danh hoặc là nhà thầu phụ thì ghi rõ khối lượng công việc, giá trị đảm nhận với vai trò thành viên liên danh, nhà thầu phụ).

Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của các chuyên gia với vai trò tư vấn cá nhân hoặc làm chuyên gia cho các nhà thầu tư vấn khác chỉ được tính vào kinh nghiệm làm việc của bản thân chuyên gia, không tính vào kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của nhà thầu nộp E-HSDT.

¹ Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu (thông thường là 3, 4 hoặc 5 năm, đối với nhà thầu thành lập ít hơn 3 năm vẫn tiếp tục xem xét, đánh giá mà không loại nhà thầu).

Thời gian	Tên công việc <i>[mô tả tóm tắt các kết quả, sản phẩm chính]</i>	Tên gói thầu, tên dự án/dự toán mua sắm, Chủ đầu tư, địa điểm làm việc	Giá trị hợp đồng <i>[trường hợp liên danh thì nêu giá thầu thực hiện]</i>	Vai trò trong công việc <i>[ghi nhà thầu, nhà thầu phụ, thành viên trong liên danh]</i>	Thời gian thực hiện gói thầu <i>[ghi rõ từ ngày... đến ngày...]</i>	Thời gian thực hiện gói thầu thực tế <i>[từ ngày... đến ngày...]</i> Trường hợp chậm trễ thì nêu rõ lý do

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan.

NHỮNG GÓP Ý (NẾU CÓ) ĐỂ HOÀN THIỆN NỘI DUNG ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

[Nhà thầu trình bày những nội dung sửa đổi để hoàn thiện điều khoản tham chiếu nhằm thực hiện hợp đồng]

Đề xuất bổ sung, sửa đổi điều khoản tham chiếu:

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.

GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TỔNG QUÁT DO NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất kỹ thuật (cả biểu đồ) gồm 3 phần:

1. Giải pháp và phương pháp luận
2. Kế hoạch công tác
3. Tổ chức và nhân sự

Giải pháp và phương pháp luận. [Mô tả hiểu biết về mục tiêu của công việc ghi trong Điều khoản tham chiếu, cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận sẽ áp dụng để thực hiện công việc nhằm đạt được kết quả dự kiến và mức độ chi tiết của kết quả đó. Đối với gói thầu tư vấn giám sát, giải pháp và phương pháp luận cần bao gồm cả khía cạnh môi trường, xã hội. Nhà thầu lưu ý không sao chép, nhắc lại Điều khoản tham chiếu trong phần này]

Kế hoạch thực hiện. [Đưa ra kế hoạch thực hiện các hoạt động/công việc chính, nội dung và thời gian hoạt động, phân kỳ hoạt động và tương quan giữa các kỳ, các mốc chính (bao gồm các bước phê duyệt tạm thời của Chủ đầu tư) và ngày dự kiến giao nộp báo cáo. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận, thể hiện sự hiểu biết về Điều khoản tham chiếu và khả năng chuyên Điều khoản tham chiếu thành kế hoạch thực hiện khả thi. Cần đính kèm danh sách các tài liệu hoàn chỉnh (bao gồm báo cáo) sẽ phải giao nộp. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với Kế hoạch tiến độ]

Tổ chức và Nhân sự. [Mô tả cơ cấu và thành phần nhóm chuyên gia, bao gồm danh sách các nhân sự chủ chốt, nhân sự khác, nhân viên hỗ trợ kỹ thuật và hành chính liên quan]

LÝ LỊCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN

Tên nhà đầu:

Tên và số của vị trí tư vấn	[Vi dụ: K-1, TRƯỞNG NHÓM]
Tên chuyên gia tư vấn	[Điền tên đầy đủ]
Ngày sinh:	[Ngày/tháng/năm]
Quốc tịch	

Trình độ học vấn: [liệt kê trường cao đẳng/đại học hoặc khóa học chuyên ngành, nêu tên của cơ sở đào tạo, thời gian học, loại bằng cấp đã đạt được]

Quá trình công tác phù hợp với công việc: [Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia theo Bảng sau, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp với công việc đang yêu cầu]

Thời gian (từ...đến...)	Tên cơ quan, đơn vị, vị trí đảm nhận và thông tin liên hệ để tham chiếu	Địa điểm làm việc	Tóm tắt công việc đã làm phù hợp với công việc đang yêu cầu

Thành viên của Hiệp hội chuyên ngành, tổ chức nghề nghiệp và tác phẩm đã xuất bản:

Ngôn ngữ (Chỉ nêu những ngôn ngữ có thể dùng để làm việc):

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người khai

[Ký tên, chức danh và ghi rõ họ tên]

Ghi chú:

- Từng cá nhân chuyên gia tư vấn trong danh sách nêu tại Mẫu số 09 phải kê khai Mẫu này.
- Nhà thầu scan hợp đồng lao động; bản chụp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề chuyên môn của các chuyên gia tư vấn nêu trên đính kèm cùng E-HSDT.

MẪU SỐ 08. TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

STT	Nội dung công việc ⁽¹⁾	Tháng/ngày thứ ⁽²⁾ [Nhà thầu chọn tháng hoặc ngày trên Hệ thống]								Tổng
		1	2	3	4	5	n		
1	<i>Ví dụ:</i> Hạng mục công việc 1: 1) Thu thập dữ liệu 2) Soạn thảo báo cáo 3) Báo cáo sơ bộ 4) Tổng hợp ý kiến 5) ... 6) Báo cáo cuối cùng]									
2	[Hạng									

	mục công việc 2/																		
	...																		
	n																		

Ghi chú:

- (1) Liệt kê tất cả hạng mục công việc, trong mỗi hạng mục công việc phải nêu tiên độ thực hiện các công việc cụ thể.
- (2) Thời gian cho mỗi công việc cụ thể thể hiện bằng biểu đồ, trường hợp cần thiết nhà thầu có ghi chú, giải thích biểu đồ.

MẪU SỐ 09: DANH SÁCH CHUYÊN GIA THAM GIA THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

STT	Tên	Số định danh/ CMTND/ căn cước công dân/ Hộ chiếu	Chức danh bổ trí trong gói thầu	Cách thức huy động	Địa điểm làm việc	Số công [Chọn người/tháng hoặc người/ngày] ¹			Tổng số tháng công/ngày công	
						Hạng mục công việc 1	Hạng mục công việc 2	...		
I Nhân sự chủ chốt³										
1	Nguyễn Văn A		[Hệ thống trích xuất theo vị trí nêu tại Bảng số 01 Chương III]	[Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê]	[Công ty]					[Hệ thống tự tính]
					[Thực địa]					
2					[Công ty]					
					[Thực địa]					
									
	Số công nhân sự chủ chốt									

II Nhân sự khác									
1	[Nhà thầu điện]	Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê]	[Công ty]						[Hệ thống tự tính]
			[Thực địa]						[Hệ thống tự tính]
2		[Công ty]						[Hệ thống tự tính]
			[Thực địa]						[Hệ thống tự tính]
	Số công nhân sự khác								

Ghi chú:

- (1) Trường hợp Mục 14.3 E-BDL có quy định, nhà thầu chọn người/tháng hoặc người/ngày phù hợp với quy định tại Mục này; nhà thầu phải đề xuất tổng số công cho nhân sự chủ chốt không ngắn hơn quy định tại Mục 14.3 E-BDL.
- (2) Hàng mục công việc được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 08 Chương IV.
- (3) Vị trí, số lượng nhân sự chủ chốt phù hợp với yêu cầu nêu tại Bảng số 01 Mục 2 Chương III.

MẪU SỐ 10. PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

- (1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.
- (2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Sau đó, nếu được lựa chọn thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.
- (3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hàng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.
- (4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.
- (5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.
- (6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSĐT. Trường hợp chưa xác định được tên nhà thầu phụ thì để trống cột này.

MẪU SỐ 11. ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

(thuộc E-HSDXTC)

Ngày: _____ [*Hệ thống tự trích xuất*]

Tên gói thầu: **Gói thầu số 08: Tư vấn khảo sát địa hình địa chất giai đoạn TKBVTC; Tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán**

Kính gửi: **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HUẾ**

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: _____ [*Hệ thống tự trích xuất*] cam kết thực hiện gói thầu **Gói thầu số 08: Tư vấn khảo sát địa hình địa chất giai đoạn TKBVTC; Tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán số E-TBMT: IB2500044929** theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu là _____ [*Hệ thống tự trích xuất*] cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là _____ [*Ghi tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____ [*Hệ thống tự động tính*] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSDXTC: _____ [*Hệ thống tự trích xuất*]

Chúng tôi cam kết những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

MẪU SỐ 14. CHI PHÍ HÀNG MỤC CÔNG VIỆC DỰA TRÊN ĐƠN GIÁ VÀ KHỐI LƯỢNG

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (bao gồm VAT)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)
I	Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói				(M1)
1					
2					
...					
II	Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá				(M2)
	Các công việc				
1					
2					
...					
Tổng cộng					M=(M1+M2)

Ghi chú:

- (1) (2) (3) (4): Hệ thống trích xuất từ Mẫu số 01A và 01B thuộc Mẫu số 01
- (5) Nhà thầu điền đơn giá đã bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện dịch vụ, kể cả thuế, phí, lệ phí.
- (6) Hệ thống tự động tính.

MẪU SỐ 15. BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Thù lao cho chuyên gia	(A)
2	Chi phí khác cho chuyên gia	(B)
3	Chi phí hàng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng	(M)
4	Tổng chi phí	A + B + M

Ghi chú:

Mục A, B, M: Hệ thống tự trích xuất từ các Mẫu số 12, 13, 14

Tổng chi phí: Hệ thống tự tính và trích xuất ra giá dự thầu trong đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC.

TÀI LIỆU KHÁC THUỘC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT TÀI CHÍNH

STT	Tên tài liệu	File đính kèm
		Không có dữ liệu!

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

1. Giới thiệu tóm tắt về dự án:

1.1. Tên dự án: Khu tái định cư đường Tố Hữu nối dài, thị xã Hương Thủy.

1.2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị thành phố Huế.

1.3. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Tạo quỹ đất để tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án Đường Tố Hữu nối dài đi sân bay Phú Bài. Phục vụ dân sinh, từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực.

1.4. Địa điểm xây dựng: Thị xã Hương Thủy, thành phố Huế.

1.5. Nhóm dự án, loại và cấp công trình: Dự án nhóm B, công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.

1.6. Nội dung quy mô đầu tư và phương án xây dựng: Theo Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 05/3/2025 của UBND thành phố Huế về việc phê duyệt dự án đầu tư công trình Khu tái định cư đường Tố Hữu nối dài, thị xã Hương Thủy, quy mô công trình như sau:

1.6.1. Quy mô đầu tư: Diện tích đầu tư xây dựng dự án là 7,50 ha, gồm các hạng mục đầu tư như sau:

a) San nền:

- San nền khu đất dự án diện tích khoảng 36.868m². Đất san nền bằng đất cấp phối đầm chặt với hệ số $k=0,85$. Cao độ, độ dốc san nền theo quy hoạch được duyệt và phù hợp với việc tổ chức tiêu thoát nước vào hệ thống cống thoát nước chung.

- Cắm mốc phân lô 154 lô đất ở theo quy hoạch. Diện tích lô từ 100m² đến 300m² đảm bảo đủ loại diện tích và số lô để cấp cho các hộ tái định cư theo quy định.

b) Giao thông, hạ tầng kỹ thuật:

- Xây dựng 8 tuyến đường giao thông nội bộ có tổng chiều dài khoảng 2.123m. Mặt cắt ngang $B=(13,5÷36,0)m$. Kết cấu mặt đường bê tông nhựa. Vỉa hè lát gạch terrazzo, lắp đặt bó vỉa, rãnh vỉa, lối đi cho người khuyết tật, cây xanh, hệ thống thoát nước, hệ thống cấp nước, điện sinh hoạt, điện chiếu sáng, an toàn giao thông, hệ thống phòng cháy chữa cháy.

- Xây dựng 02 cống hộp, kết cấu bằng bê tông cốt thép, tải trọng thiết kế HL93.

1.6.2. Phương án xây dựng:

1.6.2.1. San nền, cắm mốc phân lô:

a) San nền:

- Cao độ cao nhất là +2,74m tại khu vực phía Đông Bắc dự án; thấp nhất là +2,31m tại khu vực phía Nam giáp khu dân cư hiện trạng và kênh thoát nước;
- Độ dốc san nền các lô đất tối thiểu 0,10%, phù hợp với tổ chức hệ thống thoát nước tự chảy vào các hố ga thu nước và hệ thống cống thoát nước chung;
- Đào bóc lớp đất lúa tầng mặt dày 20cm trước khi thi công đắp đất san nền;
- San nền toàn bộ khu vực các ô đất xây dựng với diện tích khoảng 36.868m², đất san nền bằng đất đắp cấp phối đầm chặt với hệ số K=0,85.

b) Phân lô:

- Phân lô: Bố trí 154 lô đất ở với diện tích phân lô khoảng 27.578m²; các lô có diện tích từ 100m² đến 300m² đảm bảo theo quy hoạch được duyệt;
- Cắm mốc phân lô cho 154 lô.

1.6.2.2. Hệ thống giao thông:

a) Hệ thống giao thông:

- Xây dựng 8 tuyến đường giao thông có tổng chiều dài khoảng 2.303m:
 - + Tuyến QH số 1: dài 338m, mặt cắt ngang: $B=3,0+7,5+3,0=13,5m$;
 - + Tuyến QH số 2: dài 285m, mặt cắt ngang: $B=3,0+7,5+3,0=13,5m$;
 - + Tuyến QH số 3: dài 316m, mặt cắt ngang: $B=4,0+8,5+4,0=16,5m$;
 - + Tuyến QH số 4: dài 394m, mặt cắt ngang: $B=3,0+7,5+3,0=13,5m$;
 - + Tuyến QH số 5: dài 521m, bao gồm 2 đoạn: Đoạn 1 dài khoảng 335m, mặt cắt ngang: $B=6,0+10,5+3,0+10,5+6,0=36,0m$; Đoạn 2 dài khoảng 186m, mặt cắt ngang: $B=4,5+10,5+4,5=19,5m$;
 - + Tuyến QH số 6: dài 139m, mặt cắt ngang: $B=3,0+7,5+3,0=13,5m$;
 - + Tuyến QH số 7: dài 280m, mặt cắt ngang: $B=4,0+8,5+4,0=16,5m$;
 - + Tuyến QH số 8: dài 58m, mặt cắt ngang: $B=3,0+7,5+3,0=13,5m$.
- Các thông số kỹ thuật tuyến giao thông:
 - + Tiêu chuẩn thiết kế: đường phố nội bộ;
 - + Vận tốc thiết kế các trục đường chính: 40 km/h; các trục đường phố nội bộ 20km/h;
 - + Độ dốc ngang mặt đường: 2,0%, độ dốc ngang vỉa hè 2,0%;
 - + Kết cấu mặt đường: Mặt đường cấp cao A1 kết cấu bê tông nhựa có môđun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 120Mpa$.
- Hướng tuyến và cao độ tuân thủ theo Quy hoạch chi tiết được phê duyệt.
- Vỉa hè, bó vỉa, cây xanh và ô trồng cây:
 - + Vỉa hè lát gạch terrazo kích thước 30cmx30cm;
 - + Bó vỉa: bó vỉa sử dụng bê tông đúc sẵn M300, có lõi lên xuống cho người khuyết tật;
 - + Trồng cây xanh theo chủng loại phù hợp và xây ô trồng cây kích thước (1,2mx1,2m) và (1,5mx1,5m). Ô trồng cây bằng bê tông M150, ốp đá granite;
- Xây dựng 01 bãi đỗ xe theo quy hoạch có diện tích 1.093,7 m². Kết cấu

bãi đỗ xe bằng bê tông M300 trên móng cấp phối đá dăm;

- Xây dựng hệ thống tổ chức giao thông cho các tuyến đường trong khu dân cư theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN41:2019 của Bộ Giao thông vận tải.

b) Công trình trên tuyến:

- Xây dựng 02 cống khẩu độ 3x(4x3)m thuộc tuyến đường quy hoạch số 5 và số 7;

- Tải trọng thiết kế: HL-93;

- Kết cấu cống bằng bê tông cốt thép M300.

1.6.2.3. Hệ thống cấp nước:

- Theo bản đồ quy hoạch chi tiết cấp nước được duyệt.

- Nguồn cấp nước đầu nổi từ tuyến ống cấp nước D225mm hiện trạng dọc theo đường Võ Trác.

- Nguyên tắc thiết kế:

+ Mạng lưới đường ống bố trí theo mạng mạch vòng. Mạng lưới tuyến ống được thiết kế có tính đến sự phát triển các khu chức năng được đầu tư xây dựng trong tương lai, bố trí các điểm chờ đầu nổi tại các vị trí định hướng phát triển xây dựng;

+ Hệ thống cấp nước chữa cháy được thiết kế chung với mạng cấp nước sinh hoạt, áp lực cần thiết tại đầu ra của các trụ nước chữa cháy không nhỏ hơn 15l/s;

+ Ống cấp nước sử dụng ống HDPE từ (D75÷D225)mm cho đường ống phân phối bố trí dọc theo vỉa hè. Tổng chiều dài các tuyến ống khoảng 3.390m;

+ Trên mỗi tuyến ống, bố trí các van chặn để ngắt nước khi có sự cố hoặc bảo trì, bảo dưỡng.

- Bố trí 14 họng cấp nước chữa cháy đặt tại các ngã ba, ngã tư khu dân cư thuận tiện cho việc lấy nước chữa cháy, đảm bảo khoảng cách giữa các trụ theo các tuyến đường giao thông $\leq 150m$, đồng thời đảm bảo yêu cầu về PCCC.

1.6.2.4. Hệ thống thoát nước:

- Theo bản đồ Quy hoạch tổng mặt bằng được phê duyệt.

- Hệ thống thoát nước chính trong khu vực dự án được thiết kế theo hệ thống thoát nước riêng.

a) Hệ thống thoát nước mưa:

- Xây dựng tuyến cống thoát nước mưa (D600÷D1200)mm với tổng chiều dài khoảng 2.648m, được bố trí trong phạm vi vỉa hè; thu nước bằng đường bằng cống D400, đảm bảo hệ thống thoát nước được liên hoàn;

- Giải pháp xây dựng và kết cấu:

+ Cống thoát nước dùng loại bê tông đặt vỉa hè và cống bằng đường (chịu lực) khẩu độ (D400÷D1200)mm;

+ Hồ ga: Dọc tuyến bố trí hồ ga thu nước với khoảng cách trung bình 20÷30m. Kết cấu thành và bản đáy hồ ga bằng bê tông M250; giằng hồ ga sử

dụng BTCT M250, nắp hố ga bằng gang; Lớp lót bê tông lót M100.

b) Hệ thống thoát nước thải:

- Theo bản đồ quy hoạch thoát nước thải được duyệt. Bố trí hệ thống thoát nước thải theo hệ thống thoát nước riêng.

- Giải pháp thiết kế:

+ Bố trí các tuyến ống thu gom nước thải giữa 2 dãy nhà có đường kính D250mm, thu gom vào tuyến ống D300mm truyền dẫn về phía cuối mạng thoát nước thải. Tổng chiều dài tuyến ống nước thải khoảng 1.960m;

+ Ống thoát nước thải dùng loại HDPE, đệm ống bằng cát xay đầm chặt;

+ Đối với khu nhà ở, nước thải sinh hoạt phải được xử lý sơ bộ qua hố lắng trong nhà trước khi xả vào hệ thống thoát nước thải;

+ Hố ga: Dọc tuyến thu gom nước thải bố trí hố ga thu nước với khoảng cách 15÷25m. Kết cấu thành và bản đáy hố ga bằng bê tông M250; giằng hố ga bằng BTCT M250; đối với các hố ga trong phạm vi vỉa hè dùng lại nắp hố ga bằng gang, các hố ga trong phạm vi giữa 2 lô đất dùng loại đan BTCT M250; Lớp lót bê tông lót M100.

- Giai đoạn thực hiện dự án, tuyến ống thu gom nước thải sinh hoạt tạm thời đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa tại vị trí cuối tuyến. Tương lai hệ thống xử lý nước thải chung của khu vực được đầu tư xây dựng sẽ chuyển đầu nối tuyến thu gom nước thải về trạm xử lý tập trung.

1.6.2.5. Hệ thống cấp điện và hệ thống chiếu sáng:

a) Hệ thống cấp điện:

a.1. Hệ thống đường dây trung thế cáp ngầm và trạm biến áp:

- Xây dựng 1 trạm biến áp khu tái định cư đường Tố Hữu nối dài đặt tại ô công viên, có công suất 630kVA-22/0,4kV trạm đặt trên trụ thân sắt đơn có tích hợp tủ RMU và tủ hạ thế trong thân cột;

- Xây dựng 1.056m cáp ngầm trung thế bằng nhôm pha lẻ vặn xoắn AXV/S-DATA 3x(1x240)mm²-24KV đầu nối tại vị trí trạm biến áp Phù Tây 2: 100kVA 22/0,4 (từ điểm đầu nối đến trạm biến áp 630kVA 22/0,4kV khu tái định cư đường Tố Hữu nối dài 352m).

a.2. Hệ thống cấp điện sinh hoạt:

- Xây dựng mới 31 tủ điện sinh hoạt bằng inox 304, kích thước tủ 1,2mx0,7mx0,4m, cấp 158 hộ. Trong đó, 1 tủ điện sinh hoạt chờ sẵn cấp 4 hộ;

- Xây dựng mới khoảng 1.900m cáp ngầm hạ thế cấp điện sinh hoạt cho các hộ dân trong phạm vi dự án;

- Xây dựng mới khoảng 243m mương cáp ngầm hạ thế (kết cấu mương cáp gồm bột đá, gạch báo hiệu, băng cảnh báo) và ống nhựa xoắn chịu lực HDPE/TFP Φ125/160 để chờ kéo cáp ngầm sau khi hoàn thiện các lô còn lại từ vị trí OLK1 và OLK2 từ trạm biến áp KTĐC đường Tố Hữu nối dài.

b) Hệ thống chiếu sáng:

- Xây dựng mới khoảng 2.873m cáp ngầm hạ thế cấp chiếu sáng đường và

chiếu sáng công viên, sử dụng cáp ngầm CXV/DSTA (4x10)mm²;

- Xây dựng mới 1 tủ điện chiếu sáng điều khiển tự động 2 chế độ có lắp bộ điều khiển giám sát từ xa đặt trên trụ thép D140x3 cao 1,2m, vị trí đặt tủ chiếu sáng trong ô công viên;

- Xây dựng 59 cột chiếu sáng bằng thép mạ kẽm nhúng nóng cao 9m; trong đó: cột 7m D78/154 và cần đơn 2m, vưon 1,5m. Đèn chiếu sáng sử dụng đèn LED 90W cho các Tuyến đường có mặt cắt 13,5m ở Tuyến đường quy hoạch số 1, 2, 4, 6 và mặt cắt 16,5m ở Tuyến đường quy hoạch số 3.

- Xây dựng 18 cột chiếu sáng bằng thép mạ kẽm nhúng nóng cao 11m; trong đó: cột cao 9m D78/175 và cần đơn (cần đôi cần ba) cao 2m, vưon 1,5m. Đèn chiếu sáng sử dụng đèn LED 150W cho các đường có mặt cắt 36m và mặt cắt 19,5m ở Tuyến đường quy hoạch số 5;

- Xây dựng 29 cột đèn trang trí công viên có chiều cao 3m (đoạn góc 1m D114x3 đoạn ngọn cao 2m D76x3) lắp bóng đèn led công viên 40W.

1.6.2.6. Hệ thống cáp viễn thông:

- Lắp đặt tuyến ống chính UPVC D110 dài khoảng 1.934m, đi ngầm và hồ thăm chờ luôn cáp viễn thông chính;

- Lắp đặt tuyến ống phụ UPVC D60 dài khoảng 5.128m, đi ngầm chờ đầu vào các vị trí hộp kỹ thuật tại các lô đất ở;

- Tuyến cáp viễn thông do đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông đầu tư.

1.6.2.7. Hệ thống hộp kỹ thuật: Xây dựng hệ thống hộp kỹ thuật kết cấu bê tông cốt thép B=1m, dài khoảng 84m, bố trí tại các vị trí băng đường, đảm bảo thuận lợi cho việc lắp đặt các hệ thống công trình ngầm.

1.6.2.8. Công viên:

- Diện tích công viên 1.807m² và các khu vực khác bố trí tại khu vực theo quy hoạch, trong đó thiết kế các đường đi dạo, trồng cây xanh, đèn chiếu sáng, bố trí các trang thiết bị thể dục, thể thao... tại những vị trí thích hợp;

- Tận dụng đất màu trồng lúa đắp vào khu vực trồng cây xanh trong công viên.

1.7. Tổng mức đầu tư: 120.000.000.000 đồng, trong đó:

- Chi phí GPMB :	22.514	triệu đồng
- Chi phí xây dựng:	82.888	triệu đồng
- Chi phí thiết bị:	1.310	triệu đồng
- Chi phí quản lý dự án:	1.580	triệu đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư:	4.514	triệu đồng
- Chi phí khác:	1.577	triệu đồng
- Chi phí dự phòng:	5.617	triệu đồng

1.8. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách thành phố.

1.9. Thời gian thực hiện: 04 năm.

2. Giới thiệu tổng quan về gói thầu.

- **Tên Gói thầu:** Gói thầu số 09: Tư vấn khảo sát giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công; lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán.

- Thời gian thực hiện: 60 ngày.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: một giai đoạn, hai túi hồ sơ.

3. Nội dung công việc của gói thầu.

- Lập phương án khảo sát địa hình, địa chất xây dựng;
- Khảo sát địa hình, địa chất phục vụ lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở;
- Lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán toàn bộ dự án.
- Các công việc khác theo yêu cầu của hợp đồng tư vấn, phù hợp với Nhiệm vụ tư vấn đã được Chủ đầu tư xác nhận đính kèm cùng với E-HSMT.

4. Mục đích tuyển chọn nhà thầu: Mục đích tuyển chọn nhà thầu tư vấn phù hợp, có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu: Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất, lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán xây lắp, thiết bị của dự án đảm bảo đúng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, yêu cầu kỹ thuật, quy phạm hiện hành của Nhà nước nhằm đảm bảo tính hiệu quả, kinh tế - xã hội của dự án đáp ứng tiến độ của Chủ đầu tư.

II. Phạm vi công việc:

1. Phạm vi công việc đối với nhà thầu tư vấn: Tư vấn lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở - dự toán toàn bộ các hạng mục xây lắp và thiết bị của dự án; khảo sát địa hình, địa chất phục vụ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán dự án Khu tái định cư đường Tố Hữu nối dài, thị xã Hương Thủy.

1.1. Phạm vi công việc khảo sát địa hình:

a. Vị trí xây dựng tuyến dự án:

Vị trí công trình: Phạm vi nghiên cứu dự án thuộc địa giới hành chính phường Thủy Châu, thị xã Hương Thủy, thành phố Huế.

b. Phạm vi khảo sát và hướng tuyến tổng quát của dự án:

Khu vực dự án có diện tích khoảng 7,5ha với 08 tuyến giao thông có tổng chiều dài 2.123m. Phạm vi dự án có vị trí cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp khu dân cư và đường bê tông hiện trạng.
- Phía Tây giáp ruộng lúa và kênh thủy lợi.
- Phía Nam giáp khu dân cư Bàu Đước thuộc phường Thủy Châu.
- Phía Bắc giáp tuyến đường Tố Hữu nối dài đi sân bay Phú Bài.

* Khối lượng công tác khảo sát dự kiến:

- Về địa hình:

+ **Bình đồ khu vực:** Khu vực khảo sát đo vẽ chủ yếu là khu vực ruộng lúa, địa hình ít thay đổi nên tận dụng bình đồ khu vực giai đoạn lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500. Tuyến đường quy hoạch số 05 (có hai đoạn với mặt cắt 36m và 19,5m) tuy nhiên đoạn từ điểm nút N06 đến điểm nút N07 bám theo đường

bê tông hiện trạng và 02 bên tuyến là khu vực dân cư nhưng trong bình đồ khu vực đã khảo sát chỉ mới thể hiện đường bê tông hiện trạng nên cần khảo sát địa hình, địa vật khu vực này vào bình đồ. Phạm vi đo vẽ như sau: Phạm vi đo vẽ từ tim tuyến ra mỗi bên 15m, L=142,4m.

+ Khảo sát đo vẽ mặt cắt:

++ Trắc dọc tuyến: Tỷ lệ dài 1/1000, cao 1/100, phạm vi trên toàn tuyến như đã nêu ở Phần 2, có chiều dài L=2.123m. Trong đó có tận dụng lại số liệu trắc dọc tuyến đã khảo sát giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi và bổ sung thêm các cọc chi tiết đảm bảo khoảng cách giữa các cọc $\leq 20m$. Qua kiểm tra hồ sơ khảo sát giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi nhận thấy một số đoạn trắc dọc có khoảng cách giữa các cọc $>20m$ và $\leq 25m$, tuy nhiên các vị trí này chủ yếu là khu vực ruộng lúa, địa hình ít thay đổi nên tận dụng hoàn toàn số liệu trắc dọc tuyến, không khảo sát bổ sung.

++ Trắc ngang tuyến: Tận dụng hoàn toàn số liệu trắc ngang tuyến đã khảo sát giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, không khảo sát bổ sung.

+ Khảo sát công trình hiện hữu trên tuyến:

++ Sơ họa chi tiết toàn bộ cầu bản, mương thủy lợi và trạm bơm hiện trạng tại nút giao N06, bao gồm các bản vẽ: Mặt đứng, mặt bằng cầu, các mặt cắt, cấu tạo,...

++ Đo các cao độ đáy cống và một số công việc liên quan khác phục vụ công tác thiết kế.

Bảng khối lượng khảo sát địa hình dự kiến:

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng
1	Đo vẽ bổ sung bình đồ khu vực tỷ lệ 1/500, địa hình cấp II trên cạn, đường đồng mức 0,5m	Ha	0,427
2	Sơ họa chi tiết toàn bộ cầu bản, mương thủy lợi và trạm bơm hiện trạng thuộc dự án	Công	2,000

Ngoài ra kiểm tra rà soát lại địa hình tại thời điểm thực hiện khảo sát lập thiết kế bản vẽ thi công. Kiểm tra đối chiếu với hồ sơ khảo sát đã thực hiện ở giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi trường hợp có thay đổi về địa hình thì cập nhật bổ sung để phù hợp với hiện trạng thực tế.

1.2. Phạm vi công việc khảo sát địa chất:

a. Khảo sát địa chất nền đường:

*** Đối với nền đường thông thường:**

Công tác thăm dò địa chất công trình được tiến hành bằng các lỗ khoan thăm dò theo quy định tại TCCS 31-2020/TCĐBVN. Bố trí 05 lỗ khoan phân bố xung quanh khu vực, mỗi lỗ sâu 6m tại các vị trí gần các điểm nút giao (Có bản vẽ mặt bằng định vị hố khoan kèm theo). Kết hợp với xăm để đánh giá chiều dày địa chất tầng phủ.

Để phục vụ cho việc tận dụng, đào thay đất nền (nếu có) trong phạm vi ảnh hưởng từ đáy kết cấu áo đường xuống 80cm cần thí nghiệm xác định mẫu CBR và thành phần hạt theo tiêu chuẩn ASSHTO-M145 đối với nền đường hiện trạng đoạn tuyến từ điểm nút N06 đến điểm nút N07 thuộc tuyến đường quy hoạch số 05 cần đào 01 hố đào KT: (0,5x0,5x1,0)m lấy mẫu theo phương ngang cách tim tuyến 2,2m tại Km0+484 thuộc tuyến đường quy hoạch số 05. Lấy 02 mẫu theo phương thẳng đứng: tại chiều sâu lấy mẫu 0,6m so với mặt đất tự nhiên để thí nghiệm M145 và CBR đầm nén độ chặt K98 và tại chiều sâu lấy mẫu 0,9m so với mặt đất tự nhiên để thí nghiệm M145 và CBR đầm nén độ chặt K95. Ngoài ra kết hợp xác định chiều dày các lớp kết cấu mặt đường hiện trạng.

*** Đối với nền đường đất yếu:**

Ranh giới tuyến dự án nằm bên phải tuyến Đường Tố Hữu nối dài đi sân bay Phú Bài trong phạm vi lý trình từ Km5+464,57 đến Km5+781,45. Qua tham khảo hồ sơ địa chất của dự án đường Tố Hữu nối dài đi sân bay Phú Bài nhận thấy trong phạm vi này có bố trí 02 lỗ khoan BVTC-DY35 (Km5+460) và NCKT-LKMCI (Km5+777), qua kiểm tra, đối chiếu so sánh các chỉ tiêu cơ lý với TCCS 31-2020/TCĐBVN nhận thấy địa chất tại 02 lỗ khoan này thuộc dạng không yếu. Tuy nhiên khu vực dự án nằm ở vùng chuyển tiếp giữa địa hình chân núi và đồng bằng nên địa chất khu vực dự kiến có nhiều biến động. Do vậy khi tiến hành khảo sát địa chất tại các lỗ khoan nền đường thông thường nếu phát hiện đất yếu thì phải thông báo ngay cho giám sát khảo sát, chủ nhiệm thiết kế và Chủ đầu tư để tiến hành xử lý khoan nền đất yếu theo quy định.

Công tác thăm dò địa chất đất yếu được tiến hành bằng các lỗ khoan thăm dò theo quy định tại TCCS 41:2022/TCĐBVN. Theo phương dọc tim tuyến: Bổ sung các lỗ khoan thăm dò địa chất đất yếu kết hợp với các lỗ khoan nền đường thông thường (sau khi đã xử lý khoan nền đất yếu) đảm bảo khoảng cách trung bình khoảng 125m (theo quy định từ 100m đến 150m). Theo phương ngang tuyến: Bố trí lỗ khoan để tạo mặt cắt địa chất theo phương ngang đảm bảo khoảng cách trung bình khoảng 250m (theo quy định từ 150m đến 300m), cụ thể như sau: tại vị trí lỗ khoan dọc tim tuyến, bổ sung 02 lỗ khoan bố trí đối xứng qua tim tuyến quy hoạch tại vị trí vai đường về mỗi bên.

*** Công tác khoan lấy mẫu và các điều kiện dừng, kết thúc lỗ khoan:**

- Công tác khoan:
 - + Sử dụng máy khoan với chiều khoan sâu tối đa 180m; phương pháp khoan áp dụng là phương pháp khoan xoay lấy mẫu, kết hợp sử dụng dung dịch bentonite và ống chống để khoan khảo sát địa chất.
 - + Đường kính các lỗ khoan từ 91mm đến 127mm.
- Xác định cao độ mực nước ngầm trên tuyến tại các vị trí lỗ khoan.
- Điều kiện dừng, kết thúc lỗ khoan

+ Khi khoan hết tầng đất yếu và vào lớp đất không yếu thêm 3m. Trường hợp nếu đất yếu có chiều dày lớn thì khoan đến hết phạm vi chịu ảnh hưởng của tải trọng đắp (hết phạm vi tụt lún theo tính toán dự báo lún của công trình hoặc dự án lân cận).

+ Trường hợp chưa đến chiều sâu dự kiến mà gặp đá gốc thì kết thúc lỗ khoan.

+ Trong các trường hợp đặc biệt khác, để đảm bảo đầy đủ các thông tin phục vụ thiết kế công trình, Chủ nhiệm khảo sát địa chất phải thông báo cho Chủ đầu tư và đơn vị Tư vấn thiết kế để có quyết định cuối cùng.

- Công tác lấy mẫu: Cách lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu đất tuân thủ theo TCVN 2683:2012 Đất xây dựng - Phương pháp lấy, bao gói, vận chuyển và bảo quản mẫu. Trong đó, cần lưu ý như sau:

+ Theo chiều sâu lỗ khoan, cứ 2m lấy 01 mẫu nguyên trạng cho đất dính và mẫu không nguyên trạng đối với trường hợp đất rời rạc, phong hóa.

+ Các mẫu đất lấy được phải được bảo quản cẩn thận, tránh ánh nắng mặt trời và va chạm mạnh.

- Công tác lấy mẫu thí nghiệm trong phòng:

Đối với nền đường thông thường:

* Công tác thí nghiệm trong phòng bằng 65% tổng số mẫu lấy được $((5*6)/2*65%=10$ mẫu). Số mẫu này được Chủ nhiệm khảo sát địa chất lựa chọn từ các mẫu đã lấy ở hiện trường dựa trên địa tầng các lớp đất, tình trạng mẫu... Các mẫu đất được thí nghiệm các với các chỉ tiêu sau:

* Đối với mẫu nguyên trạng: Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý thông thường như: thành phần hạt, độ ẩm, độ sệt, dung trọng thiên nhiên, tỷ trọng, giới hạn chảy, góc ma sát trong, lực dính, hệ số nén lún, hệ số rỗng,...

* Đối với mẫu không nguyên dạng: Thí nghiệm tất cả các chỉ tiêu cơ lý theo quy định như: thành phần hạt, độ ẩm, dung trọng thiên nhiên, góc nghỉ khô/góc nghỉ ướt.

* Dự kiến số mẫu lấy thí nghiệm mẫu nguyên trạng là 08 mẫu và mẫu không nguyên trạng là 02 mẫu.

Đối với nền đường đất yếu:

Ngoài thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý như nền đường thông thường. Cần thí nghiệm các chỉ tiêu sau:

- Thí nghiệm nén cố kết 3 trục theo sơ đồ CU và thí nghiệm nén cố kết 3 trục theo sơ đồ UU tại các lỗ khoan. Vị trí lấy mẫu khoảng giữa chiều sâu lớp đất yếu. Tổng số 06 mẫu.

- Thí nghiệm nén cố kết:

• Công tác này là rất cần thiết để xác định các chỉ tiêu phục vụ cho việc tính toán dự báo độ lún tổng cộng và độ lún cố kết theo thời gian thông qua việc thí nghiệm xác định nén lún trong điều kiện không nở hông để xác định các chỉ

tiêu như: hệ số rỗng e_0 , chỉ số nén lún C_r và C_c , chỉ số nở C_s , hệ số cố kết theo phương thẳng đứng C_v , hệ số thấm K_p và áp lực tiền cố kết σ_p . (Riêng đối với hệ số C_v và K_p thì yêu cầu cung cấp số liệu tại thời điểm t_{90}).

- Để có số liệu đưa vào tính toán có độ tin cậy cao, kiến nghị trong mỗi lỗ khoan đất yếu cần chọn lấy 02 mẫu đại diện cho tầng đất yếu (vị trí lấy mẫu dự kiến lấy tại 1/3 và 2/3 tầng đất yếu) để làm thí nghiệm nén cố kết. Tổng số 06 mẫu.

- Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (VST): Theo chiều sâu lỗ khoan, thực hiện các điểm cắt cánh trong các lớp đất yếu với cự ly 2m tiến hành một điểm thí nghiệm và chỉ cắt cánh hiện trường trong phạm vi lớp đất yếu. Công tác thí nghiệm cắt cánh hiện trường tuân thủ theo Quy trình thí nghiệm cắt cánh hiện trường TCVN 10184-2021.

- Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT: Tiến hành thí nghiệm đóng SPT tại lớp cuối cùng các lỗ khoan (lớp đất không yếu).

- Thí nghiệm xuyên tĩnh CPTu:

- + Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn CPTu tại các lỗ khoan đất yếu, vị trí thí nghiệm cách vị trí khoan đất yếu 5m-10m về đầu cuối tuyến, tùy thuộc thực tế hiện trường có thể dịch chuyển vị trí cho phù hợp. Trong trường hợp khó khăn cần liên hệ với chủ nhiệm thiết kế trao đổi thống nhất với Chủ đầu tư lựa chọn vị trí thực hiện.

- + Điều kiện dừng xuyên: xuyên vào lớp đất không yếu khoảng 3m.

- + Mỗi vị trí dự kiến thí nghiệm tiêu tán áp lực lỗ rỗng 02 điểm. Vị trí thứ nhất lấy tại 1/4 phía trên và tại giữa lớp đất yếu. Vị trí thứ 2 lấy tại 1/3 phía trên và 2/3 chiều dày lớp đất yếu.

b. Khảo sát địa chất công trình:

Không khảo sát, tận dụng kết quả khảo sát tại lỗ khoan LK2, LK4.

c. Điều tra mỏ vật liệu xây dựng, bãi thải:

- Điều tra mỏ đá, đất đắp, cát...

- Đối với mỏ đang khai thác: Xác định vị trí, cự ly vận chuyển, quy mô khai thác, khả năng cung cấp, chất lượng, trữ lượng.

- Điều tra bãi thải bao gồm vị trí và trữ lượng cho phép của bãi thải gần nhất.

- Lập bản vẽ sơ họa vị trí và cự ly các mỏ vật liệu đến công trình.

Bảng tổng hợp khối lượng khảo sát địa chất dự kiến:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, cấp đất đá I- III	m	30,000

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
2	Thí nghiệm các đặc tính cơ lý thông thường của các lớp đất dính (mẫu nguyên trạng)	Mẫu	8,000
2.1	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm - Khối lượng riêng	Mẫu	8,000
2.2	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm - Thành phần hạt	Mẫu	8,000
2.3	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm - Độ ẩm, độ hút ẩm	Mẫu	8,000
2.4	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm - Khối lượng thể tích (dung trọng)	Mẫu	8,000
2.5	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm - Giới hạn dẻo, giới hạn chảy	Mẫu	8,000
2.6	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm - Sức chống cắt trên máy cắt phẳng	Mẫu	8,000
2.7	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm - Tính nén lún trong điều kiện không nở hông (nén thông thường)	Mẫu	8,000
3	Thí nghiệm các đặc tính cơ lý thông thường của các lớp đất rời (mẫu không nguyên trạng)	Mẫu	2,000
3.1	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm - Khối lượng riêng	Mẫu	2,000
3.2	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm - Thành phần hạt	Mẫu	2,000
3.3	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm - Độ ẩm, độ hút ẩm	Mẫu	2,000
3.4	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm - Khối lượng thể tích (dung trọng)	Mẫu	2,000
3.5	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm - Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	Mẫu	2,000
4	Lấy mẫu và thí nghiệm thành phần hạt để xác định phân loại đất theo tiêu chuẩn ASHTO M145	Mẫu	2,00
5	Lấy mẫu và thí nghiệm sức chịu tải đất nền CBR	Mẫu	2,00
6	Đào mô tả kết cấu đường giao hiện có	m ³	0,25

* **Điều kiện dùng khoan:** Tùy vào tình hình thực tế điều kiện địa chất khu

vực trong lúc khảo sát khoan thăm dò, việc dùng khoan phải thỏa mãn một trong các điều kiện dưới đây.

- Khi khoan hết tầng đất yếu và vào lớp đất không yếu thêm khoảng 3m. Trường hợp nếu đất yếu có chiều dày lớn thì khoan đến hết phạm vi chịu ảnh hưởng của tải trọng đắp (hết phạm vi tụt lún theo tính toán dự báo lún của công trình hoặc dự án lân cận).

- Khoan đến độ sâu yêu cầu, trường hợp chiều sâu hố khoan thăm dò gặp đá thì khoan sâu vào đá khoảng 1m.

- Trong các trường hợp đặc biệt khác, để đảm bảo đầy đủ các thông tin phục vụ thiết kế công trình, Chủ nhiệm khảo sát địa chất phải thông báo cho Chủ đầu tư và đơn vị Tư vấn thiết kế để có quyết định cuối cùng.

1.2. Phạm vi công việc lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán: Theo đúng quy mô của dự án đã được phê duyệt tại Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 05/3/2025 của UBND thành phố Huế về việc phê duyệt dự án đầu tư công trình Khu tái định cư đường Tố Hữu nối dài, thị xã Hương Thủy.

2. Nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu tư vấn phải tiến hành trong thời gian thực hiện hợp đồng tư vấn.

2.1. Nhiệm vụ của Nhà thầu thiết kế: Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất, lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán của dự án phù hợp với Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 05/3/2025 của UBND thành phố Huế về việc phê duyệt dự án đầu tư công trình Khu tái định cư đường Tố Hữu nối dài, thị xã Hương Thủy.

Nhà thầu tư vấn chịu trách nhiệm nghiên cứu, tham quan các công trình tương tự của dự án để đề xuất phương án thiết kế hợp lý, chất lượng cao, đảm bảo thuận lợi trong quá trình triển khai thiết kế và thi công sau này.

2.2. Yêu cầu lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán; khảo sát địa hình, địa chất: Nhà thầu tư vấn căn cứ vào Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 05/3/2025 của UBND thành phố Huế và Nhiệm vụ thiết kế được Chủ đầu tư xác nhận kèm theo trong E-HSMT để khảo sát địa hình, địa chất, lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán của dự án.

2.2.1. Yêu cầu về khảo sát địa hình, địa chất:

a. Yêu cầu chung:

- Trong quá trình khảo sát, nhà thầu tư vấn tham khảo bình đồ khu vực tỷ lệ 1/500 và hồ sơ khảo sát địa hình, địa chất tham khảo đã thực hiện trong giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi. Trường hợp cần khảo sát thủy văn, Nhà thầu tư vấn có thể đề xuất công việc trong E-HSMT nhằm đảm bảo đủ số liệu phục vụ tốt nhất công tác thiết kế.

- Hồ sơ khảo sát địa hình, địa chất bao gồm các nội dung chính như sau: Phương án khảo sát và báo cáo kết quả khảo sát, nhật ký và

các biên bản nghiệm thu trong quá trình khảo sát.

- Nhà thầu tư vấn phải có Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức trong việc tư vấn khảo sát địa hình, địa chất đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng (hạng III trở lên) và Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Các cá nhân tham gia khảo sát địa hình, địa chất phải có đủ tư cách pháp nhân, kinh nghiệm và năng lực khảo sát theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Trong quá trình khảo sát, Nhà thầu phải kiểm tra lại và so sánh các mốc tọa độ, cao độ mà Chủ đầu tư giao trên cơ sở các mốc quốc gia của cơ quan thẩm quyền quản lý do Nhà thầu mua.

- Các nội dung công việc khác do Nhà thầu tư vấn đề xuất trong hồ sơ E-HSDT nhằm đảm bảo đủ số liệu phục vụ tốt nhất công tác thiết kế.

b. Mục đích khảo sát xây dựng:

*** Khảo sát địa hình:**

- Công tác khảo sát địa hình nhằm nghiên cứu về địa hình của khu vực xây dựng để có cơ sở thiết kế công trình đảm bảo đúng kỹ thuật và hợp lý về kinh tế, phục vụ cho bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.

- Xác định cao độ nền đất trong phạm vi thực hiện dự án.

- Đánh giá được cụ thể điều kiện địa hình khu vực cần khảo sát.

- Đo vẽ trắc dọc, trắc ngang tuyến: Làm cơ sở cho việc xác định khối lượng tuyến, bố trí công trình thoát nước, cống và cầu,....

*** Khảo sát địa chất:**

- Làm sáng tỏ hình dạng, thể nằm, tính liên tục của lớp đất.

- Xác định hệ thống khe nứt trong trường hợp móng đặt lên nền đá.

- Xác định tính chất cơ lý các lớp đất, tính đồng nhất của khu đất và cung cấp đầy đủ các số liệu để phục vụ cho công tác tính toán nền móng công trình.

c. Tiêu chuẩn khảo sát xây dựng được áp dụng:

Công tác khảo sát và thí nghiệm áp dụng theo các tiêu chuẩn sau:

c.1. Khảo sát địa hình:

- TCXDVN 9398-2012: Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung.

- TCVN 9401:2012: Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình.

- TCVN 4419:1987 Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản.

- TCVN 9401: 2012 Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình.

- TCCS 31-2020/TCĐBVN Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát.

- TCCS 41 : 2022/TCĐBVN: Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô đắp trên nền đất yếu.

- 96TCN 43-90: Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500, 1/1000, 1/2000, 1/5000 (phần ngoài trời).

- 96TCN 43-90: Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500, 1/1000, 1/2000, 1/5000 (phần trong nhà).

- QCVN 11:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xây dựng lưới độ cao.

- QCVN 04:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới tọa độ.

- QCVN 02:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về số liệu các điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng

c.2. Khảo sát địa chất:

- TCCS 31:2020/TCĐBVN Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát.

- TCCS 41:2022/TCĐBVN: Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô đắp trên nền đất yếu.

- TCVN 9437-2012: Quy trình khoan thăm dò địa chất công trình.

- TCVN 2683-2012: Đất xây dựng - lấy mẫu, bao gói, vận chuyển và bảo quản.

- TCVN 9351:2012: Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm hiện trường thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT).

- TCVN 9352:2012 Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm xuyên tĩnh

- TCVN 9153:2012: Đất xây dựng – Phương pháp chỉnh lý kết quả thí nghiệm mẫu đất.

- TCVN 10184:2021 Đất xây dựng - Thí nghiệm cắt cánh hiện trường cho đất dính.

- TCVN 9846:2013 Quy trình thí nghiệm xuyên tĩnh có đo áp lực nước lỗ rỗng (CPTu).

- ASTM D4546 Đất xây dựng - Xác định độ trương nở.

- TCVN 9438:2012 Đất xây dựng - Thí nghiệm nén 1 trục nở hông

- TCVN 8868:2011 Thí nghiệm xác định sức kháng cắt không cố kết - Không thoát nước và cố kết - Thoát nước của đất dính trên thiết bị nén ba trục

- TCVN 10184:2021 Đất xây dựng - Thí nghiệm cắt cánh hiện trường cho đất dính

- TCVN 4195:2012 ÷ TCVN 4197:2012 & TCVN 4198:2014 & TCVN 4199:1995 & TCVN 4200:2012 ÷ TCVN 4202:2012 Đất xây dựng - Phương pháp xác định các chỉ tiêu cơ lý

- TCVN 12792:2020 Quy trình thí nghiệm xác định chỉ số CBR của đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm.

d. Các yêu cầu khác:

- Trang thiết bị sử dụng phục vụ khảo sát phải đảm bảo độ chính xác theo yêu cầu và trong thời hạn sử dụng theo chứng nhận của đơn vị kiểm định hợp pháp theo quy định pháp luật hiện hành;

- Đơn vị tư vấn khảo sát xây dựng phải lập phương án kỹ thuật và dự toán khảo sát địa hình, địa chất trình Chủ đầu tư phê duyệt trước khi triển khai thực hiện khảo sát xây dựng tại hiện trường.

- Quá trình thực hiện khảo sát phải tuân thủ các tiêu chuẩn, quy định pháp luật hiện hành;

- Trong quá trình thực hiện khảo sát nếu có vấn đề gì chưa rõ nhà thầu tư vấn khảo sát yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp các tài liệu, hồ sơ liên quan;

- Nhà thầu tư vấn khảo sát xây dựng có trách nhiệm bàn giao cho Chủ đầu tư hồ sơ khảo sát hoàn chỉnh sau khi được nghiệm thu chính thức theo hợp đồng được ký kết, cụ thể như sau:

+ Thuyết minh báo cáo kết quả khảo sát địa hình, địa chất: 12 bộ;

+ Nhật ký khảo sát: 12 bộ (1 bộ gốc, 11 bộ sao);

+ Các biên bản nghiệm thu thành phần, hoàn thành công việc: 12 bộ (1 bộ gốc, 11 bộ sao);

- Trong tất cả các trường hợp, Nhà thầu tư vấn chịu trách nhiệm về kết quả khảo sát của mình.

***Ghi chú:** Trên đây là những nội dung chính về nhiệm vụ khảo sát địa hình, địa chất phục vụ lập thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở của Chủ đầu tư. Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm lập nhiệm vụ địa hình, địa chất theo đúng quy định đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác thiết kế triển khai sau thiết kế trong E-HSĐT (có thể kiến nghị điều chỉnh) đủ cơ sở để Chủ đầu tư phê duyệt trước khi ký kết hợp đồng tư vấn. Trường hợp cần nghiên cứu thêm về địa chất, địa hình khu vực xây dựng thì Nhà thầu phải lập Nhiệm vụ điều chỉnh kèm theo trong E-HSĐT để Chủ đầu tư xem xét, quyết định.*

2.2.2. Yêu cầu về lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở:

Nhà thầu tư vấn căn cứ vào dự án đầu tư và thiết kế cơ sở đã được phê duyệt để thực hiện thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và tổng dự toán công trình.

2.2.2.1. Yêu cầu chung:

- Hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở phải phù hợp với thiết kế cơ sở và quy mô đầu tư đã được UBND thành phố Huế phê duyệt tại Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 05/3/2025 về việc phê duyệt dự án Khu tái định cư đường Tố Hữu nối dài, thị xã Hương Thủy, tuân thủ Quy chuẩn, Tiêu chuẩn thiết kế xây dựng Việt Nam.

- Hồ sơ thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán các hạng mục của dự án bao gồm các nội dung chính như sau: Thuyết minh thiết kế; bản vẽ thiết kế; dự toán thiết kế; chỉ dẫn kỹ thuật; quy trình bảo trì, vận hành khai thác công trình.

- Trong quá trình thiết kế bản vẽ thi công, đơn vị tư vấn phải nghiên cứu, bổ sung hoàn chỉnh theo các nội dung và ý kiến tại Văn bản số 5354/SXD-QLXD ngày 30/12/2024 của Sở Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Khu tái định cư đường Tố Hữu nối dài, thị xã Hương Thủy và các Văn bản có liên quan khác bằng chi phí của Nhà thầu; tham gia giải trình, hiệu chỉnh hồ sơ thiết kế theo yêu

cầu của Chủ đầu tư, đơn vị thẩm tra, thẩm định trong vòng không quá 03 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư yêu cầu.

- Nhà thầu tư vấn phải có Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức trong việc tư vấn thiết kế xây dựng đáp ứng theo quy định tại Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng. Ngoài ra, tổ chức tư vấn và các cá nhân tham gia thiết kế hệ thống PCCC và hệ thống cấp điện phải có năng lực, chứng chỉ hành nghề thiết kế theo quy định hiện hành của Luật PCCC, Luật Điện lực hiện hành.

- Các cá nhân tham gia lập thiết kế, lập dự toán (chủ nhiệm thiết kế, các chủ trì thiết kế các hạng mục (xây dựng, PCCC, cấp điện, chủ trì lập dự toán...) phải có kinh nghiệm và năng lực thiết kế theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Trong quá trình thiết kế và khảo sát, Nhà thầu phải kiểm tra lại và so sánh các mốc tọa độ, cao độ mà Chủ đầu tư giao trên cơ sở các mốc quốc gia của cơ quan thẩm quyền quản lý cấp cho nhà thầu tư vấn.

2.2.2.2. Các yêu cầu về quy hoạch tổng mặt bằng và cảnh quan của công trình:

a. Yêu cầu về quy hoạch:

- Phạm vi thiết kế nằm trong quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500: Khu dân cư và tái định cư phục vụ xây dựng đường Tổ Hữu nối dài đi sân bay Phú Bài đã được UBND thị xã Hương Thủy phê duyệt tại Quyết định số 7937/QĐ-UBND ngày 01/10/2024 và Quyết định số 1487/QĐ-UBND ngày 06/6/2024 của UBND tỉnh (nay là UBND thành phố Huế) về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) phường Thủy Châu, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là UBND thành phố Huế).

- Bố trí, thiết kế các hạng mục nằm trong quy mô dự án đáp ứng đúng với vị trí và mặt bằng quy hoạch được duyệt.

b. Yêu cầu về thiết kế tổng mặt bằng kiến trúc, cảnh quan các hạng mục:

- Công trình được thiết kế phù hợp công năng sử dụng và tiêu chuẩn thiết kế hiện hành; đảm bảo vệ sinh môi trường cho khu vực lân cận, tăng cường bố trí cây xanh;

- Mặt bằng bố trí các hạng mục và công năng sử dụng phù hợp với tổng mặt bằng chung, quy hoạch kiến trúc khu vực cũng như hồ sơ thiết kế cơ sở được duyệt;

- Thiết kế kiến trúc các hạng mục ở bước thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở phải hài hòa, phù hợp với các hạng mục công trình đã xây dựng, phù hợp với thiết kế cơ sở và quy mô đầu tư đã được phê duyệt.

- Giải pháp tổng mặt bằng các hạng mục phù hợp với mặt bằng quy hoạch.

c. Yêu cầu về giải pháp thiết kế: Giải pháp thiết kế phải phù hợp với giải pháp thiết kế ở bước thiết kế cơ sở được duyệt, điều kiện địa chất, khí hậu, thủy

vấn ở vị trí xây dựng công trình; Tuân thủ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế, quy mô dự án và quy hoạch được phê duyệt; đồng thời phù hợp với điều kiện thi công thực tế; đáp ứng tối đa về yêu cầu sử dụng công trình, cụ thể một số nội dung chủ yếu sau:

a. Quy mô đầu tư:

Diện tích đầu tư xây dựng dự án là 7,50ha, gồm các hạng mục đầu tư như sau:

a.1 San nền:

- San nền khu đất dự án diện tích khoảng 36.868m². Đất san nền bằng đất cấp phối đầm chặt với hệ số $K=0,85$. Cao độ, độ dốc san nền theo quy hoạch được duyệt và phù hợp với việc tổ chức tiêu thoát nước vào hệ thống cống thoát nước chung.

- Cắm mốc phân lô 154 lô đất ở theo quy hoạch. Diện tích lô từ 100m² đến 300m² đảm bảo đủ loại diện tích và số lô để cấp cho các hộ tái định cư theo quy định.

a.2. Giao thông, hạ tầng kỹ thuật:

- Xây dựng 08 tuyến đường giao thông nội bộ có tổng chiều dài khoảng 2.123m. Mặt cắt ngang $B=(13,5\sim 36,0)$ m. Kết cấu mặt đường bê tông nhựa. Vỉa hè lát gạch Terrazzo, lắp đặt bó vỉa, rãnh vỉa, lối đi cho người khuyết tật, cây xanh, hệ thống thoát nước, hệ thống cấp điện, điện sinh hoạt, điện chiếu sáng, an toàn giao thông, hệ thống phòng cháy chữa cháy.

- Xây dựng 02 cống hộp, kết cấu bằng BTCT, tải trọng thiết kế HL93.

b. Phương án thiết kế:

b.1. San nền, cắm mốc phân lô:

b.1.1. San nền:

- Cao độ cao nhất +2,74m tại khu vực phía Đông Bắc dự án; thấp nhất là +2,31m tại khu vực phía Nam giáp khu dân cư hiện trạng và kênh thoát nước;

- Độ dốc san nền các lô đất tối thiểu 0,10%, phù hợp với tổ chức hệ thống thoát nước tự chảy vào các hố ga thu nước và hệ thống cống thoát nước chung;

- Đào bóc lớp đất lúa tầng mặt dày 20cm trước khi thi công đắp đất san nền;

- San nền khu đất dự án diện tích khoảng 36.868m². Đất san nền bằng đất cấp phối đầm chặt với hệ số $K=0,85$.

b.1.2. Phân lô:

- Bố trí 154 lô đất ở với diện tích phân lô khoảng 27.578m²; các lô có diện tích từ 100m² đến 300m² đảm bảo theo quy hoạch được duyệt.

- Cắm mốc phân lô cho 154 lô.

b.2. Hệ thống giao thông:

b.2.1. Đường giao thông:

- Xây dựng 08 tuyến đường giao thông có tổng chiều dài khoảng 2.303m:

+ Tuyến QH số 1: dài 338m, mặt cắt ngang: $B=3,0+7,5+3,0=13,5$ m;

+ Tuyến QH số 2: dài 285m, mặt cắt ngang: $B=3,0+7,5+3,0=13,5$ m;

+ Tuyến QH số 3: dài 316m, mặt cắt ngang: $B=4,0+8,5+4,0=16,5$ m;

- + Tuyến QH số 4: dài 394m, mặt cắt ngang: $B=3,0+7,5+3,0=13,5\text{m}$;
 - + Tuyến QH số 5: dài 512m, bao gồm 02 đoạn: Đoạn 1 dài khoảng 335m, mặt cắt ngang: $B=6,0+10,5+3,0+10,5+6,0=36,0\text{m}$; Đoạn 2 dài khoảng 186m, $B=4,5+10,5+4,5=19,5\text{m}$;
 - + Tuyến QH số 6: dài 139m, mặt cắt ngang: $B=3,0+7,5+3,0=13,5\text{m}$;
 - + Tuyến QH số 7: dài 280m, mặt cắt ngang: $B=4,0+8,5+4,0=16,5\text{m}$;
 - + Tuyến QH số 8: dài 58m, mặt cắt ngang: $B=3,0+7,5+3,0=13,5\text{m}$;
 - Các thông số kỹ thuật tuyến giao thông:
 - + Tiêu chuẩn thiết kế: đường phố nội bộ:
 - + Vận tốc thiết kế các trục đường chính: 40km/h; các trục đường phố nội bộ 20km/h;
 - + Độ dốc ngang mặt đường: 2,0%; độ dốc ngang vỉa hè 2,0%.
 - + Kết cấu mặt đường: Mặt đường cấp cao A1 kết cấu bê tông nhựa có modul đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 120\text{Mpa}$.
 - Hướng tuyến và cao độ tuân thủ theo quy hoạch chi tiết được phê duyệt.
 - Vỉa hè, bó vỉa, cây xanh và ô trồng cây:
 - + Vỉa hè lát gạch Terrazzo kích thước (30x30)cm.
 - + Bó vỉa: bó vỉa sử dụng bê tông đúc sẵn M300, có lõi lên xuống cho người khuyết tật;
 - + Trồng cây xanh theo chủng loại phù hợp và xây ô trồng cây kích thước (1,2x1,2)m và (1,5x1,5)m. Ô cây bằng bê tông M150, ốp đá granite;
 - Xây dựng 01 bãi đỗ xe theo quy hoạch có diện tích 1.093,7m². Kết cấu bãi đỗ xe bằng bê tông M300 trên móng cấp phối đá dăm;
 - Xây dựng hệ thống tổ chức giao thông cho các tuyến đường trong khu dân cư theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019 của Bộ Giao thông vận tải.
- b.2.2. Công trình trên tuyến:
- Xây dựng 02 cầu hộp khẩu độ 3x(4x3)m thuộc tuyến đường quy hoạch số 5 và số 7;
 - Tải trọng thiết kế: HL93;
 - Kết cấu cống bằng BTCT M300.
- b.3. Hệ thống cấp nước:
- Theo bản đồ quy hoạch chi tiết cấp nước được duyệt.
 - Nguồn cấp nước đầu nối từ tuyến ống cấp nước D225m hiện trạng dọc theo đường Võ Trác.
 - Nguyên tắc thiết kế:
 - + Mạng lưới đường ống bố trí theo mạng mạch vòng. Mạng lưới tuyến ống được thiết kế có tính đến sự phát triển các khu chức năng được đầu tư xây dựng trong tương lai, bố trí các điểm chờ đầu nối tại các vị trí định hướng phát triển xây dựng;

+ Hệ thống cấp nước chữa cháy được thiết kế chung với mạng lưới cấp nước sinh hoạt, áp lực cần thiết tại đầu ra của các trụ nước chữa cháy không nhỏ hơn 15l/s;

+ Ống cấp nước sử dụng ống HDPE từ (D75~D225)mm cho đường ống phân phối bố trí dọc theo vỉa hè. Tổng chiều dài các tuyến ống khoảng 3.390m;

+ Trên mỗi tuyến ống, bố trí các van chặn để ngắt nước khi có sự cố hoặc bảo trì, bảo dưỡng.

- Bố trí 14 họng cấp nước chữa cháy đặt tại các ngã ba, ngã tư khu dân cư thuận tiện cho việc lấy nước chữa cháy, đảm bảo khoảng cách giữa các trụ theo các tuyến đường giao thông $\leq 150m$, đồng thời đảm bảo yêu cầu về PCCC.

b.4. Hệ thống thoát nước:

- Theo bản đồ quy hoạch chi tiết thoát nước mưa được duyệt.

- Hệ thống thoát nước chính trong khu vực dự án được thiết kế theo hệ thống thoát nước riêng.

b.4.1 Hệ thống thoát nước mưa:

- Xây dựng tuyến cống thoát nước mưa (D600~D1200)mm với tổng chiều dài khoảng 2.648m, được bố trí trong phạm vi vỉa hè; thu nước bằng đường bằng cống D400, đảm bảo hệ thống thoát nước được liên hoàn;

- Giải pháp xây dựng và kết cấu:

+ Cống thoát nước dùng loại bê tông đặt trên vỉa hè và cống bằng đường (chịu lực) khẩu độ (D400~D1200)mm;

+ Hố ga: Dọc tuyến bố trí hố ga thu nước với khoảng cách trung bình 20m~30m. Kết cấu thành và bản đáy hố ga bằng bê tông M250; giếng hố ga sử dụng BTCT M250, nắp hố ga bằng gang; Lớp lót bê tông lót M100.

b.4.2 Hệ thống thoát nước thải:

- Theo bản đồ quy hoạch chi tiết thoát nước thải được duyệt. Bố trí hệ thống thoát nước thải theo hệ thống riêng.

- Giải pháp thiết kế:

+ Bố trí tuyến ống thu gom nước thải giữa 2 dãy nhà có đường kính D250mm, thu gom vào tuyến ống D300 truyền dẫn về phía cuối mạng lưới nước thải. Tổng chiều dài tuyến ống nước thải khoảng 1.960m;

+ Ống thoát nước thải dùng loại HDPE, đệm ống bằng cát xay đầm chặt;

+ Đối với khu nhà ở, nước thải sinh hoạt phải được xử lý sơ bộ qua hố lắng trong nhà trước khi xả vào hệ thống thoát nước thải;

+ Hố ga: Dọc tuyến thu gom nước thải bố trí hố ga thu nước với khoảng cách trung bình 15m~25m. Kết cấu thành và bản đáy hố ga bằng bê tông M250; giếng hố ga sử dụng BTCT M250; đối với các hố ga trong phạm vi vỉa hè dùng loại nắp hố ga bằng gang, các hố ga trong phạm vi giữa 02 lô đất dùng loại đan BTCT M250; Lớp lót bê tông lót M100.

- Giai đoạn thực hiện dự án, tuyến ống thu gom nước thải sinh hoạt tạm thời đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa tại vị trí cuối tuyến. Tương lai hệ

thống xử lý nước thải chung của khu vực được đầu tư xây dựng sẽ chuyển đầu nối tuyến thu gom nước thải về trạm xử lý tập trung.

b.5. Hệ thống cấp điện và hệ thống chiếu sáng:

b.5.1. Hệ thống cấp điện:

a. Hệ thống đường dây trung thế cáp ngầm và trạm biến áp:

- Xây dựng 01 trạm biến áp khu tái định cư đường Tố Hữu nối dài đặt tại ô công viên có công suất 630kVA 22/0,4kV trạm đặt trên trụ thân sắt đơn có tích hợp tủ RMU và tủ hạ thế trong thân cột;

- Xây dựng 1.056m cáp ngầm trung thế bằng nhôm pha le vụn xoắn AXV/S-DATA 3x(1X240)mm²-24kV đầu nối tại vị trí trạm biến áp Phù Tây 2: 100kVA 22/0,4kV (từ điểm đầu nối đến trạm biến áp 630kVA 22/0,4kV khu tái định cư đường Tố Hữu nối dài 352m).

b.5.2. Hệ thống cấp điện sinh hoạt:

- Xây dựng mới 31 tủ điện sinh hoạt bằng inox 304, kích thước tủ (1,2x0,7x0,4)m cấp 158 hộ. Trong đó 01 tủ điện sinh hoạt chờ sẵn cấp 04 hộ;

- Xây dựng mới khoảng 1.900m cáp ngầm hạ thế cấp điện sinh hoạt cho các hộ dân trong phạm vi dự án;

- Xây dựng mới khoảng 243m mương cáp ngầm hạ thế (kết cấu mương cáp gồm bột đá, gạch báo hiệu, băng cảnh báo) và ống nhựa xoắn chịu lực HDPE/TFP D125/D160 để chờ kéo cáp ngầm sau khi hoàn thiện các lô còn lại từ vị trí OLK1 VÀ OLK2 từ trạm biến áp khu tái định cư đường Tố Hữu nối dài.

b.5.3. Hệ thống chiếu sáng:

- Xây dựng mới khoảng 2.873m cáp ngầm hạ thế cấp chiếu sáng đường và chiếu sáng công viên, sử dụng cáp ngầm CXV/DSTA (4x10)mm²;

- Xây dựng mới 01 tủ điện chiếu sáng điều khiển tự động 2 chế độ có lắp bộ điều khiển giám sát từ xa đặt trên trụ thép D140x3 cao 1,2m; vị trí đặt tủ chiếu sáng trong ô công viên;

- Xây dựng 59 cột chiếu sáng bằng thép mạ kẽm nhúng nóng cao 9m; trong đó: cột 7m D78/154 và cần đơn 2m, vươn 1,5m. Đèn chiếu sáng sử dụng đèn LED 90W cho các tuyến đường có mặt cắt 13,5m ở tuyến đường quy hoạch số 1,2,4,6 và mặt cắt 16,5m ở Tuyến đường quy hoạch số 3;

- Xây dựng 18 cột chiếu sáng bằng thép mạ kẽm nhúng nóng cao 11m; trong đó: cột 9m D78/175 và cần đơn (cần đôi, cần ba) 2m, vươn 1,5m. Đèn chiếu sáng sử dụng đèn LED 150W cho các tuyến đường có mặt cắt 36m và mặt cắt 19,5m ở tuyến đường quy hoạch số 5;

- Xây dựng 29 cột đèn trang trí công viên có chiều cao 3m (đoạn góc 1m D114x3 đoạn ngọn cao 2m D76x3) lắp bóng đèn led công viên 40W.

b.6. Hệ thống cáp viễn thông:

- Lắp đặt tuyến ống chính UPVC D110 dài khoảng 1.934m, đi ngầm và hố thăm chờ luồn cáp viễn thông chính;

- Lắp đặt tuyến ống phụ UPVC D60 dài khoảng 5.128m, đi ngầm chờ đầu vào các vị trí hộp kỹ thuật tại các lô đất ở;

- Tuyến cáp viễn thông do đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông đầu tư.

b.7. Hộp kỹ thuật:

Xây dựng hệ thống hộp kỹ thuật kết cấu BTCT B=1m, dài khoảng 84m, bố trí tại các vị trí bang đường, đảm bảo thuận lợi cho việc lắp đặt các hệ thống công trình ngầm.

b.8. Công viên:

- Diện tích công viên 1.807m² và các khu vực khác bố trí tại khu vực theo quy hoạch, trong đó thiết kế các đường dạo, trồng cây xanh, đèn chiếu sáng, bố trí các trang thiết bị thể dục, thể thao... tại những vị trí thích hợp;

- Tận dụng đất màu trồng lúa đắp vào khu vực trồng cây xanh công viên.

b.9. Một số yêu cầu khác:

- Toàn bộ công trình sử dụng gạch không nung đối với khối xây; đối với bê tông có mác từ 200 trở xuống, sử dụng cát nghiền dùng cho đúc bê tông; ưu tiên sử dụng cát nghiền (cát mịn) dùng cho xây tô.

- Nhà thầu thiết kế đề xuất và lựa chọn giải pháp kết cấu chịu lực phù hợp với quy mô, tính chất công trình và các quy định hiện hành.

- Áp dụng các giải pháp công nghệ tiết kiệm điện trong chiếu sáng, sử dụng thiết bị chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện (toàn bộ dùng đèn Led).

- Ưu tiên sử dụng các vật tư, thiết bị sử dụng trong công trình có trên thị trường thành phố Huế, đạt hiệu quả sử dụng và hiệu quả kinh tế.

- Nghiên cứu tính toán roăng vỉa hè thống nhất từ bó vỉa, rãnh vỉa và gạch lát vỉa hè.

- Nghiên cứu tính toán bố trí ô trồng cây xanh đảm bảo từ tim cây đến mép vỉa hè phải ≥ 1 m theo đúng quy định.

- Kích thước, kết cấu, hình dạng các bó vỉa, rãnh vỉa, bó vỉa người tàn tật... phải đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 15/5/2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế mẫu bó vỉa, vỉa hè đường đô thị trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Ngoài việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành, đơn vị thiết kế cần tham khảo thêm một số tiêu chuẩn, quy chuẩn mới ban hành.

- Đơn vị thiết kế thực hiện công tác chuẩn xác (có thí nghiệm) hệ số chuyển đổi từ đất đào từ mỏ sang đất đắp và đất tận dụng từ đào sang đất đắp theo quy định tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021, đảm bảo hệ số quy đổi phù hợp với thực tế thành phần đất.

- Trong quá trình thực hiện dự án, nếu Chủ đầu tư hoặc đơn vị tư vấn thiết kế phát hiện vấn đề gì bất hợp lý về mặt công năng sử dụng, mỹ thuật, kỹ thuật,... của công trình cần phải điều chỉnh thì các bên cùng bàn bạc với nhau để thống nhất phương án điều chỉnh và thông báo cho các cơ quan ban ngành liên quan được biết để lấy ý kiến.

2.2.3 Yêu cầu lập dự toán chi tiết và tổng dự toán công trình:

- Tổng dự toán công trình là phải tính đủ toàn bộ các chi phí cần thiết cho việc đầu tư xây dựng công trình. Tổng dự toán công trình bao gồm: Chi phí xây dựng, Chi phí thiết bị, Chi phí quản lý dự án, Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, Chi phí khác và Chi phí dự phòng của dự án.

- Dự toán xây lắp hạng mục công trình là chi phí cần thiết để hoàn thành khối lượng công tác xây lắp của hạng mục công trình được tính toán từ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.

a. Căn cứ lập chi phí tổng dự toán công trình và dự toán xây lắp + thiết bị các hạng mục công trình:

- Dự án đầu tư đã được phê duyệt.

- Phương án thiết kế cơ sở đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.

- Khối lượng công tác xây lắp tính theo thiết kế phù hợp với danh mục đơn giá xây dựng cơ bản hiện hành.

- Danh mục và số lượng các thiết bị và các trang thiết bị khác định mức.

- Đơn giá xây dựng do Nhà nước và Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế công bố.

- Giá các thiết bị được xác định theo kết quả thẩm định giá hoặc theo các thông tin thương mại trên thị trường.

- Định mức các chi phí, phí, theo quy định của Nhà nước, theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính và các cơ quan có thẩm quyền.

- Các chế độ chính sách khác hiện hành có liên quan do Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính và các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành.

b. Yêu cầu lập tổng dự toán và dự toán chi tiết hạng mục công trình:

- Tổng dự toán và dự toán chi tiết hạng mục công trình phải tuân theo các chế độ, quy định hiện hành của Nhà nước và Bộ Xây dựng quy định về việc lập và quản lý chi phí các dự án đầu tư.

- Tổng dự toán công trình và dự toán hạng mục công trình được tính theo khối lượng xây lắp, danh mục chủng loại và đặc tính kỹ thuật của các trang thiết bị đầu tư cho công trình trong bản vẽ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở nhưng không được vượt quá tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Nhà thầu tư vấn thiết kế phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư và Pháp luật mức độ đầy đủ, chính xác hợp lý của các nội dung trong tổng dự toán và dự toán chi tiết hạng mục công trình.

- Nhà thầu tư vấn cần có Văn bản gửi Chủ đầu tư đề nghị thẩm định giá đối với các loại vật tư, vật liệu, thiết bị,...không có trong thông báo giá của Liên sở Xây dựng-Tài Chính thành phố Huế để Chủ đầu tư tổ chức thẩm định giá. Giá đề nghị thẩm định giá của Nhà thầu tư vấn kèm theo ít nhất 03 báo giá của Nhà sản xuất hoặc đơn vị cung cấp để Chủ đầu tư lựa chọn phù hợp.

3. Quy cách, nội dung và sản phẩm thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và tổng dự toán.

- Hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở phải phù hợp với thiết kế cơ sở và quy mô đầu tư đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 92/QĐ-HĐND ngày 15/11/2024 của HĐND tỉnh (nay là HĐND thành phố) về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khu tái định cư Tổ Hữu nổi dài, thị xã Hương Thủy và Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 05/3/2025 của UBND tỉnh (nay UBND thành phố) về việc phê duyệt dự án đầu tư dự án Khu tái định cư đường Tổ Hữu nổi dài, thị xã Hương Thủy. Tuân thủ Quy chuẩn, Tiêu chuẩn thiết kế xây dựng Việt Nam.

- Hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán các hạng mục của dự án bao gồm các nội dung chính như sau: Thuyết minh thiết kế, bản tính, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát xây dựng liên quan, dự toán xây dựng công trình, chỉ dẫn kỹ thuật và quy trình bảo trì công trình (yêu cầu lập riêng); thuyết minh công nghệ.

- Bản vẽ thiết kế phải có kích cỡ, tỷ lệ, khung tên Quy cách hồ sơ;

- Hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán được lập theo từng hạng mục công trình và theo yêu cầu của chủ đầu tư để phù hợp với quy mô các gói thầu xây lắp.

- Công trình có nhiều hạng mục, yêu cầu đơn vị tư vấn phải có bản vẽ màu 3D thể hiện tổng thể các hạng mục công trình để phục vụ công tác kiểm tra và quản lý trong quá trình thực hiện dự án.

- Trong quá trình thiết kế, đơn vị tư vấn phải tham gia giải trình, hiệu chỉnh hồ sơ thiết kế theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đơn vị thẩm tra, thẩm định trong vòng không quá 03 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư yêu cầu.

- Hồ sơ thiết kế được lập cho từng công trình bao gồm thuyết minh thiết kế, bản tính, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát xây dựng liên quan, dự toán xây dựng công trình và quy trình bảo trì công trình xây dựng (nếu có);

- Bản vẽ thiết kế phải có kích cỡ, tỷ lệ, khung tên được thể hiện theo các tiêu chuẩn áp dụng trong hoạt động xây dựng. Trong khung tên từng bản vẽ phải có tên, chữ ký của người trực tiếp thiết kế, người kiểm tra thiết kế, chủ trì thiết kế, chủ nhiệm thiết kế, người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thiết kế và dấu của nhà thầu tư vấn thiết kế.

- Các bản thuyết minh, bản vẽ thiết kế, dự toán phải được đóng thành tập hồ sơ theo khuôn khổ thống nhất, được lập danh mục, đánh số, ký hiệu để tra cứu và bảo quản lâu dài.

4. Chi phí Tư vấn lập thiết kế xây dựng và dự toán, khảo sát địa hình, địa chất phục vụ lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án:

- Chi phí Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất và lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở - dự toán của dự án do Nhà thầu tính toán, trong đó VAT bằng 8%.

Trong quá trình tính toán dự toán dự thầu, Nhà thầu tư vấn phải nghiên cứu, tính toán để đưa ra dự toán dự thầu phù hợp, đủ kinh phí để thực hiện các nội dung công việc chính như sau:

- Lập phương án khảo sát địa hình, địa chất phục vụ lập hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở trình Chủ đầu tư phê duyệt.

- Khảo sát địa hình, địa chất theo phương án kỹ thuật của Nhà thầu và báo cáo kết quả khảo sát.

- Điều tra, khảo sát thực địa, thu thập bản đồ, tài liệu, số liệu về tự nhiên, hiện trạng kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể để lập hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.

- Tư vấn lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán đủ điều kiện để chủ đầu tư phê duyệt.

- Lập chỉ dẫn kỹ thuật cụ thể đối với từng hạng mục của công trình (lập riêng thành từng tập). Lập quy trình bảo trì, vận hành toàn bộ công trình.

- Chi phí cập nhật kiểm tra lại tọa độ, cao độ theo cao độ quốc gia (VN2000) của cấp có thẩm quyền quản lý.

- Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện hợp đồng (bắt buộc).

- Giám sát tác giả từng hạng mục của công trình từ khi khởi công đến khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

- Các chi phí khác theo nhiệm vụ tư vấn được duyệt và thực tế mà Nhà thầu tư vấn sẽ mất chi phí để thực hiện hoàn thành hợp đồng.

5. Quy cách, nội dung và sản phẩm thiết kế lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán; khảo sát địa hình, địa chất.

5.1. Quy cách hồ sơ thiết kế và dự toán triển khai sau thiết kế cơ sở:

5.1.1. Phần thuyết minh: Thể hiện trên khổ giấy A4 gồm có 03 tập (*trong đó: 01 tập ghi nội dung thuyết minh thiết kế bản vẽ thi công; 01 tập ghi chỉ dẫn kỹ thuật và 01 tập ghi nội dung thuyết minh quy trình bảo trì công trình*).

5.1.1.1. Nội dung chủ yếu của thuyết minh thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật:

a. Thuyết minh thiết kế.

- Cơ sở pháp lý.

- Các căn cứ thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng áp dụng.

- Thuyết minh phương án kiến trúc, phương án bố trí tổng mặt bằng theo công năng sử dụng.

- Thuyết minh tính toán các hạng mục (kết cấu, thủy văn, thủy lực...), yêu cầu nêu rõ cụ thể các bảng tính.

- Thuyết minh phương án các giải pháp kỹ thuật.

- Giải pháp phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường.

b. Chỉ dẫn kỹ thuật:

- Chỉ dẫn kỹ thuật là cơ sở để thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình, thi công và nghiệm thu công trình xây dựng;
- Chỉ dẫn kỹ thuật phải phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình xây dựng được phê duyệt và yêu cầu của thiết kế xây dựng;
- Nội dung thuyết minh chỉ dẫn kỹ thuật bao gồm phần chỉ dẫn chung và các chỉ dẫn kỹ thuật cụ thể cho từng loại công việc xây dựng chủ yếu;
- Chỉ dẫn kỹ thuật phải thể hiện rõ những yêu cầu kỹ thuật mà nhà thầu thi công xây dựng phải thực hiện; trong đó nêu rõ các sai số cho phép trong thi công xây dựng, các yêu cầu kỹ thuật và quy trình kiểm tra đối với vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình và thiết bị công nghệ được sử dụng, lắp đặt vào công trình, quy định về việc giám sát thi công xây dựng và nghiệm thu công trình xây dựng...

5.1.1.2. Nội dung thuyết minh quy trình bảo trì:

Nội dung bảo trì công trình xây dựng có thể bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các công việc sau: kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng và sửa chữa công trình; bổ sung, thay thế hạng mục, thiết bị công trình để việc khai thác sử dụng công trình đảm bảo an toàn nhưng không bao gồm các hoạt động làm thay đổi công năng, quy mô công trình:

- Các thông số kỹ thuật, công nghệ của công trình, bộ phận công trình và thiết bị công trình;
- Quy định đối tượng, phương pháp và tần suất kiểm tra công trình;
- Quy định nội dung và chỉ dẫn thực hiện bảo dưỡng công trình phù hợp với từng bộ phận công trình, loại công trình và thiết bị lắp đặt vào công trình;
- Quy định thời điểm và chỉ dẫn thay thế định kỳ các thiết bị lắp đặt vào công trình;
- Chỉ dẫn phương pháp sửa chữa các hư hỏng của công trình, xử lý các trường hợp công trình bị xuống cấp;
- Quy định thời gian sử dụng của công trình, các bộ phận, hạng mục công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình;
- Quy định về nội dung, phương pháp và thời điểm đánh giá lần đầu, tần suất đánh giá đối với công trình phải đánh giá an toàn trong quá trình khai thác sử dụng theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng và quy định của pháp luật có liên quan;
- Xác định thời điểm, đối tượng và nội dung cần kiểm định định kỳ;
- Quy định thời điểm, phương pháp, chu kỳ quan trắc đối với công trình có yêu cầu thực hiện quan trắc;
- Quy định về hồ sơ bảo trì công trình xây dựng và việc cập nhật thông tin vào hồ sơ bảo trì công trình xây dựng;
- Các chỉ dẫn khác liên quan đến bảo trì công trình xây dựng và quy định các điều kiện nhằm bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện bảo trì công trình xây dựng.

5.1.1.3. Ngoài ra đơn vị tư vấn thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở phải lập các nội dung như sau:

- Lập phương án và dự toán tư vấn khảo sát địa hình, địa chất để phục vụ cho giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công (có thể kiến nghị điều chỉnh).

- Ngoài ra, nhà thầu hoặc nhà thầu phụ có năng lực hoạt động đáp ứng theo quy định hiện hành do nhà thầu lựa chọn để lập đề cương, dự toán và hồ sơ đăng ký môi trường của dự án.

- Các nội dung khác theo Hợp đồng được ký kết.

5.2. Phần bản vẽ và dự toán: Các bản thuyết minh, bản vẽ hiện trạng, bản vẽ thiết kế xây dựng, dự toán phải được đóng thành tập hồ sơ theo khuôn khổ thống nhất, được lập danh mục, đánh số, ký hiệu để tra cứu và bảo quản lâu dài:

5.2.1. Bản vẽ: Bản vẽ thể hiện trên khổ giấy A1 hoặc A2, riêng các bản vẽ mặt bằng các hạng mục được thể hiện trên khổ giấy A1, A0, yêu cầu thể hiện đầy đủ, chi tiết tất cả các bộ phận của công trình và thuyết minh cụ thể. Các cấu tạo với đầy đủ các kích thước, đúng tỷ lệ, vật liệu và thông số kỹ thuật để thi công chính xác, đảm bảo đủ điều kiện để lập dự toán thi công xây dựng công trình;

Khung tên được thể hiện theo các tiêu chuẩn áp dụng trong hoạt động xây dựng. Trong khung tên từng bản vẽ phải có tên, chữ ký của người trực tiếp thiết kế, người kiểm tra thiết kế, chủ trì thiết kế, chủ nhiệm thiết kế, người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thiết kế phải xác nhận và dấu của nhà thầu thiết kế xây dựng công trình.

Lưu ý bản vẽ phải để dành ô trống để thuyết minh điều chỉnh thiết kế khi cần thiết và đóng dấu thẩm tra, phê duyệt, hoàn công theo quy định hiện hành.

5.2.2. Khung tên bản vẽ phải đầy đủ các nội dung theo quy định hiện hành của hồ sơ thiết kế (Lưu ý: Chừa ô trống để thuyết minh điều chỉnh thiết kế khi cần; ô dành cho Chủ đầu tư ký xác nhận; ô đóng dấu thẩm tra, thẩm định; thống nhất tất cả các bản vẽ đều cùng tên dự án theo quyết định phê duyệt; hạng mục công trình nào đều phải có bảng thống kê các bản vẽ liên quan kèm theo của hạng mục đó hoặc bố trí bảng danh mục các bản vẽ thiết kế thi công ở trang đầu tiên của bản vẽ. Ngoài ra, phải bố trí mặt bằng tổng thể định vị các hạng mục công trình trước sau đó mới đến bản vẽ triển khai các hạng mục công trình theo yêu cầu của gói thầu).

5.2.3. Nội dung bản vẽ gồm các phần:

- Tổng mặt bằng hiện trạng công trình hiện hữu, tổng mặt bằng, mặt bằng định vị công trình, mặt bằng các hạng mục, mặt đứng, mặt cắt, các chi tiết triển khai của các hạng mục liên quan...;

- Thể hiện chính xác, đầy đủ các kết cấu chịu lực và cấu kiện liên quan khác; thể hiện đầy đủ kích thước, số lượng, có bảng thống kê thép đối với từng cấu kiện và từng hạng mục riêng theo định mức dự toán đã được công bố;

- Thể hiện đầy đủ, chính xác, có thuyết minh kỹ thuật và thống kê vật liệu các hạng mục riêng theo định mức dự toán đã được công bố, chi tiết đấu nối với

công trình hiện hữu;

- Các giải pháp kỹ thuật khác: Kiến trúc, kết cấu, hạ tầng kỹ thuật và đấu nối với công trình hiện hữu...

5.2.4. Dự toán:

- In trên khổ giấy A4, nội dung dự toán lập theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước. Các loại vật tư không có trong Thông báo giá của Liên Sở Tài chính-Xây dựng tại thời điểm áp dụng, đơn vị thiết kế phải tham khảo giá thị trường và các đơn vị sản xuất, cung ứng vật liệu để đưa vào dự toán (mỗi loại vật liệu phải tham khảo giá của 03 đơn vị, sau đó so sánh để lựa chọn). Vẽ sơ đồ cụ thể vận chuyển vật liệu chính (đất cấp phối đôi, các loại đá, cấp phối đá dăm, cát, trạm trộn bê tông nhựa...). Riêng hệ số chuyển đổi từ đất đào sang đất đắp, đơn vị tư vấn phải tiến hành thí nghiệm có kết quả mới đưa vào dự toán công trình.

- Đo bóc khối lượng dự toán cần diễn giải chi tiết rõ ràng khối lượng của các công tác xây lắp theo kích thước dài, rộng, cao, số phụ,...(tuân thủ theo Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng) và Thông tư 01/2025/TT-BXD sửa đổi Thông tư 13/2021/TT-BXD hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình.

- Đơn vị thiết kế chịu trách nhiệm về tính chính xác của số lượng, khối lượng công việc. Trường hợp có thất thoát xảy ra (tính toán sai số lượng, khối lượng trong dự toán so với bản vẽ thi công) do đơn vị thiết kế làm sai có trách nhiệm đền bù chi phí theo quy định của pháp luật và hợp đồng tư vấn.

5.2.5. Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán được lập tách riêng theo các hạng mục xây dựng.

5.3. Một số yêu cầu khác:

5.3.1. Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt.

5.3.2. Trách nhiệm của nhà thầu thiết kế:

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và Chủ đầu tư về kết quả chất lượng thiết kế xây dựng do mình thực hiện.

- Trong quá trình thiết kế xây dựng công trình các hạng mục công trình kỹ thuật phức tạp, nhà thầu thiết kế xây dựng có quyền đề xuất với chủ đầu tư thực hiện các thí nghiệm, thử nghiệm mô phỏng để kiểm tra, tính toán khả năng làm việc của công trình nhằm hoàn thiện thiết kế xây dựng, bảo đảm yêu cầu kỹ thuật và an toàn công trình.

- Nghiên cứu áp dụng theo Quyết định số 347/QĐ-BXD ngày 02/4/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn chung áp dụng mô hình thông tin công trình (BIM).

- Ngoài số lượng hồ sơ thiết kế cung cấp theo hợp đồng, trường hợp cơ quan thẩm định yêu cầu bổ sung hồ sơ để phục vụ lấy ý kiến của các đơn vị liên quan về hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công thì đơn vị thiết kế phải cung cấp thêm hồ

sơ đáp ứng công tác thẩm định.

- Hồ sơ do Nhà thầu bàn giao cho Chủ đầu tư phải đáp ứng để áp dụng dịch vụ công trực tuyến tối thiểu ở mức độ 3.

5.4. Hồ sơ giao nộp:

5.4.1. Hồ sơ sản phẩm khảo sát địa hình, địa chất:

- Nhà thầu tư vấn khảo sát xây dựng có trách nhiệm bàn giao cho Chủ đầu tư hồ sơ khảo sát hoàn chỉnh sau khi được nghiệm thu chính thức theo hợp đồng được ký kết, cụ thể như sau:

+ Thuyết minh báo cáo kết quả khảo sát địa hình, địa chất: 12 bộ;

+ Nhật ký khảo sát: 12 bộ (1 bộ gốc, 11 bộ sao);

+ Các biên bản nghiệm thu thành phần, hoàn thành công việc: 12 bộ (1 bộ gốc, 11 bộ sao);

- Trong tất cả các trường hợp, Nhà thầu tư vấn chịu trách nhiệm về kết quả khảo sát của mình.

5.4.2. Hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán:

- Nội dung hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán thực hiện đầy đủ theo Điều 54 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.

- Bản vẽ thuộc hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công thể hiện trên khổ giấy A2 đúng tỷ lệ, dễ đọc, tuân thủ các quy định về quy cách thể hiện hồ sơ hiện hành.

- Ngoài việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành, đơn vị thiết kế cần tham khảo thêm một số tiêu chuẩn, quy chuẩn mới ban hành;

- Sửa chữa, bổ sung hồ sơ do mình thực hiện khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền (nếu có) và giải trình ý kiến của mình (nếu cần).

- Lập phương án khảo sát địa hình, địa chất giao cho Chủ đầu tư sau khi ký hợp đồng tư vấn thiết kế.

- Toàn bộ sản phẩm theo hợp đồng phải được Chủ đầu tư xem xét, thống nhất trước khi giao đủ số lượng theo hợp đồng.

- Số lượng hồ sơ bàn giao: 12 bộ hồ sơ đầy đủ (Phương án khảo sát địa hình, địa chất; báo cáo khảo sát; Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán thiết kế; Thuyết minh thiết kế bản vẽ thi công; Thuyết minh tính toán thiết kế; Thuyết minh quy trình bảo trì và chỉ dẫn kỹ thuật của dự án) và 03 USB ghi chép toàn bộ dữ liệu tư vấn kèm theo và hồ sơ năng lực (file pdf hoặc file ảnh). Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và Chủ đầu tư về kết quả tư vấn của mình.

- Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ: Tiếng Việt.

- Hồ sơ do Nhà thầu bàn giao cho Chủ đầu tư phải đáp ứng để áp dụng dịch vụ công trực tuyến tối thiểu ở mức độ 3.

- Trong thời gian lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, Nhà thầu tư vấn phải thường xuyên liên hệ với Chủ đầu tư để thống nhất các nội dung liên quan đến hồ sơ thiết kế, chỉnh sửa hồ sơ nếu chưa phù hợp trước khi nghiệm thu và in ấn toàn bộ hồ sơ tư vấn.

6. Tiến độ thực hiện:

Tổng thời gian thực hiện công tác tư vấn khảo sát địa hình, địa chất và lập thiết kế, dự toán triển khai sau thiết kế cơ sở không quá 60 ngày theo quy định của Hợp đồng đã ký kết, gồm:

6.1. Công tác tư vấn thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán:

- Nhà thầu tư vấn hoàn thành đầy đủ hồ sơ thiết triển khai sau thiết kế cơ sở các hạng mục xây lắp và thiết bị, dự toán trong phạm vi toàn dự án.

- Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm giao đầy đủ hồ sơ cho Chủ đầu tư và đúng thời gian quy định trong hợp đồng đã ký kết.

6.2. Công tác khảo sát địa hình, địa chất phục vụ lập thiết kế:

- Thời gian lập phương án khảo sát: không quá 02 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

- Công tác khảo sát xây dựng bắt đầu tiến hành sau khi Chủ đầu tư phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát;

- Tiến độ khảo sát xây dựng theo đúng với tiêu chuẩn và quy định của pháp luật hiện hành, đồng thời tuân thủ nội dung hợp đồng ký kết; Tuy nhiên tổng thời gian thực hiện không quá 60 ngày.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

Nhà thầu phải nộp báo cáo về kết quả công việc thực hiện hoặc có những ý kiến đóng góp về những thay đổi trong quá trình thực hiện công việc khi Chủ đầu tư yêu cầu. Thời gian nộp báo cáo không quá 05 ngày kể từ ngày có yêu cầu từ phía Chủ đầu tư.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự tối thiểu của nhà thầu: Đã nêu cụ thể trong E-HSMT.

V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

Chủ đầu tư trong điều kiện của mình có thể hỗ trợ, cung cấp các tài liệu hồ sơ có liên quan đến gói thầu nhằm cung cấp thêm thông tin tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu tư vấn thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại E-DKCT;</p> <p>1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên Ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại E-DKCT;</p> <p>1.4. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc tư vấn;</p> <p>1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.6. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày;</p> <p>1.8. “Dịch vụ tư vấn” là toàn bộ công việc do Nhà thầu thực hiện theo hợp đồng được miêu tả trong Điều khoản tham chiếu;</p> <p>1.9. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất toàn bộ công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.10. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại E-DKCT;</p> <p>1.11. “Ngày hợp đồng có hiệu lực” là ngày được quy định tại E-DKCT;</p> <p>1.12. “Chi phí khác” là tất cả chi phí ngoài lương của tư vấn có liên quan đến DVTV;</p> <p>1.13 “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.</p>
2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên	<p>2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 E-DKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.</p> <p>2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <p>a) Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</p>

	<p>b) E-DKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có);</p> <p>c) Biên bản đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng;</p> <p>d) E-DKC của hợp đồng;</p> <p>đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>e) Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;</p> <p>g) E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu (nếu có);</p> <p>h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);</p> <p>i) Các tài liệu khác quy định tại E-DKCT.</p> <p>2.3. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 Luật Đấu thầu và được các bên ký số để tạo thành hợp đồng điện tử bao gồm:</p> <p>a) Văn bản hợp đồng;</p> <p>b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có);</p> <p>d) Tài liệu khác (nếu có).</p>
<p>3. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng</p>	<p>3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam.</p> <p>3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>
<p>4. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng</p>	<p>4.1. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của nhà thầu trong khuôn khổ Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư, trừ khi có quy định khác tại E-DKCT. Nhà thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.</p> <p>4.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài</p>

	<p>liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.</p> <p>4.3. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.</p> <p>4.4. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 4.2 và Mục 4.3 E-DKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:</p> <p>a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;</p> <p>b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu;</p> <p>c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;</p> <p>d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.</p> <p>4.5. Các quy định tại Mục 4 E-DKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ tư vấn.</p> <p>4.6. Các quy định tại Mục 4 E-DKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.</p>
<p>5. Bản quyền</p>	<p>5.1. Trừ trường hợp E-DKCT có quy định khác, tất cả báo cáo, số liệu và thông tin có liên quan như bản đồ, sơ đồ, kế hoạch, cơ sở dữ liệu, các tài liệu khác do Nhà thầu tổng hợp hoặc thực hiện cho Chủ đầu tư trong quá trình thực hiện hợp đồng phải được bảo mật và thuộc quyền sở hữu duy nhất của Chủ đầu tư.</p> <p>Ngay khi chấm dứt hay hết hạn Hợp đồng, Nhà thầu có nghĩa vụ nộp tất cả các tài liệu nêu trên cho Chủ đầu tư kèm theo bản kê chi tiết về các tài liệu. Nhà thầu có thể lưu giữ bản sao của các tài liệu, dữ liệu, phần mềm này nhưng không được sử dụng cho các mục đích không liên quan đến Hợp đồng khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.</p> <p>5.2. Trường hợp phải có thỏa thuận cho phép sử dụng giữa Nhà thầu và bên thứ ba để lập, xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm khác, Nhà thầu phải được Chủ đầu tư chấp</p>

	<p>thuận trước bằng văn bản đối với các thỏa thuận này. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu bù đắp các chi phí liên quan đến việc xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm nêu trên.</p> <p>5.3. Nhà thầu phải cam kết rằng dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ bên thứ ba nào.</p> <p>5.4. Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiêu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư.</p>
6. Bảo hiểm	<p>6.1. Nhà thầu phải mua và duy trì đồng thời yêu cầu các nhà thầu phụ (nếu có) mua và duy trì bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>6.2. Nhà thầu phải bảo đảm mua các loại bảo hiểm đó trước khi thực hiện công việc tư vấn.</p>
7. Loại hợp đồng	Loại hợp đồng: được quy định tại E-DKCT .
8. Giá hợp đồng	Giá hợp đồng quy định tại E-DKCT là toàn bộ chi phí để hoàn thành toàn bộ nội dung công việc của gói thầu trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của E-HSMT.
9. Thuế, phí	Nhà thầu, nhà thầu phụ có trách nhiệm thanh toán các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) phát sinh từ Hợp đồng.
10. Tạm ứng và thanh toán	Việc tạm ứng và thanh toán thực hiện theo quy định tại E-DKCT .
11. Bảo hành sản phẩm của dịch vụ	Việc bảo hành sản phẩm của dịch vụ thực hiện theo quy định tại E-DKCT .
12. Thời gian thực hiện hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại E-DKCT .
13. Sửa đổi hợp đồng	13.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp cần phải thay đổi các điều khoản trong hợp đồng thì trong thời hạn nêu tại E-DKCT kể từ khi nhận được đề nghị sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu, bên nhận

	<p>được đề nghị có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc sửa đổi này làm cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p> <p>13.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng;</p> <p>c) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho Chủ đầu tư;</p> <p>d) Tạm dừng hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu;</p> <p>đ) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Chủ đầu tư, nhà thầu;</p> <p>e) Các trường hợp khác theo quy định của E-DKCT</p> <p>Khi điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành mà không vượt thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất điều chỉnh, trường hợp vượt thì Chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh khi được người có thẩm quyền cho phép.</p> <p>13.3. Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p>
<p>14. Nhân sự</p>	<p>14.1. Nhà thầu phải huy động tất cả chuyên gia để thực hiện các nội dung công việc như đã đề xuất trong E-HSDT trừ trường hợp Chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự theo quy định tại Mục 27 E-CDNT thì nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó.</p> <p>14.2. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự trong trường hợp cá nhân chuyên gia tư vấn mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình hoặc không đúng với nhân sự đã đề xuất</p>

	<p>trong E-HSDT. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại E-DKCT, nhà thầu phải thực hiện thay thế chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm được Chủ đầu tư chấp nhận. Trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.</p>
<p>15. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu</p>	<p>15.1. Quyền của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện dịch vụ tư vấn; b) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng; c) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả); d) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn theo quy định tại Mục 10 Chương này. <p>15.2. Nghĩa vụ của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình; b) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện; c) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn theo quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức (nếu có); d) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng Nhà thầu phụ (nếu có), nhân lực của Nhà thầu và Nhà thầu phụ sẽ luôn tuân thủ pháp luật. Phải cam kết khi có yêu cầu của Chủ đầu tư, nhà thầu hoặc nhà thầu phụ sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn; đ) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định ... với số lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư; e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc tư vấn theo Hợp đồng; g) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

<p>16. Nhà thầu phụ</p>	<p>16.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ quy định tại E-DKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng Nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện.</p> <p>Việc thay thế, bổ sung Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát (nếu có) chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho Nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng Nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu;</p> <p>16.2. Giá trị công việc mà các Nhà thầu phụ quy định tại Mục 16.1 E-DKC thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng nêu tại E-DKCT.</p> <p>16.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và Nhà thầu phụ</p> <p>16.4. Yêu cầu khác về Nhà thầu phụ quy định tại E-DKCT.</p>
<p>17. Phạm vi bồi thường thiệt hại</p>	<p>Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại E-DKCT.</p>
<p>18. Tạm dừng hợp đồng</p>	<p>18.1. Chủ đầu tư có thể tạm dừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Nhà thầu bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc tạm dừng nếu nhà thầu không thực hiện một nghĩa vụ cụ thể nào của mình theo Hợp đồng với điều kiện thông báo đó phải (i) nêu rõ nội dung của việc không thực hiện được; và (ii) yêu cầu Nhà thầu có biện pháp khắc phục trong thời gian không quá ba mươi (30) ngày sau khi Nhà thầu nhận được thông báo tạm dừng đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại (nếu có) cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc</p> <p>18.2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu</p> <p>a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, Nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).</p>

	<p>b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.</p> <p>c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.</p> <p>d) Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện.</p>
<p>19. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu</p>	<p>19.1. Chủ đầu tư có thể chấm dứt thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu khi nhà thầu không thực hiện nội dung công việc như quy định tại E-DKCT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho nhà thầu khi phát hiện nhà thầu làm vào tình trạng phá sản mà không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.</p> <p>19.3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo Mục 19.1 E-DKCT, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.</p>
<p>20. Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư</p>	<p>Nhà thầu có thể chấm dứt thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư không thực hiện nội dung công việc như quy định tại E-DKCT.</p>
<p>21. Trường hợp bất khả kháng</p>	<p>21.1. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cần trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p> <p>21.2. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân</p>

không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.

21.3. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.

21.4. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

21.5. Trong thời gian không thực hiện được Dịch vụ do sự kiện bất khả kháng, theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu có nghĩa vụ:

(a) Ngưng huy động chuyên gia, trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ được hoàn trả những chi phí phát sinh mà họ phải chi trả một cách hợp lý và cần thiết. Trường hợp được Chủ đầu tư yêu cầu phục hồi lại Dịch vụ thì nhà thầu còn được hoàn trả chi phí này; hoặc

(b) Tiếp tục thực hiện Dịch vụ trong chừng mực có thể; trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ tiếp tục được thanh toán theo điều khoản của Hợp đồng và được hoàn trả những chi phí phát sinh thêm một cách hợp lý và cần thiết. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 22 Chương này.

21.6. Chấm dứt hợp đồng và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có)

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu:

- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng.

- Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho gói thầu (nếu có) đã được chuyển tới cho Nhà thầu. Thiết bị và

	vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu sẽ đề cho Chủ đầu tư sử dụng.
22. Giải quyết tranh chấp	<p>22.1. Nhà thầu và Chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hoà giải.</p> <p>22.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hoà giải trong thời gian quy định tại E-DKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định trong E-DKCT.</p>
23. Thông báo	<p>23.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ được ghi trong E-DKCT.</p> <p>23.2. Thông báo của một bên sẽ có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-DKC 1.1

Chủ đầu tư: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HUẾ

Địa chỉ: Số 07, đường Diêm Phùng Thị, Phường Vỹ Dạ, Quận Thuận Hóa, Thành phố Huế

Mã số thuế: 3301715215

Số tài khoản:

Điện thoại: 0903593771

Số Fax:

Email: Hxhau.bdtp@gmail.com

Đại diện ủy quyền (nếu có):

E-DKC 1.3

Nhà thầu:

E-DKC 1.10

Địa điểm dự án: Thị xã Hương Thủy, thành phố Huế

E-DKC 1.11

Ngày hợp đồng có hiệu lực:

E-DKC 2.2(i)

Các tài liệu khác:

E-DKC 4.1

Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: Tuân thủ theo hợp đồng.

E-DKC 5.1

Các trường hợp khác: Không áp dụng

E-DKC 7

Loại hợp đồng: Trọn gói và đơn giá cố định

E-DKC 8

Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp: (1) Đối với loại hợp đồng trọn gói: giá

hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.

(2) Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định: đơn giá không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện đối với toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng.

E-ĐKC 10

10.1. Tạm ứng: Theo quy định của Hợp đồng

10.2. Thanh toán

Phương thức thanh toán: Chuyển khoản

Đồng tiền thanh toán: VND

Số lần thanh toán: Theo quy định của Hợp đồng

Thời hạn thanh toán: Theo quy định của Hợp đồng

E-ĐKC 11

Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: Không áp dụng

E-ĐKC 12

Thời hạn thực hiện hợp đồng: 60 ngày

E-ĐKC 13.1

Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 7 ngày

E-ĐKC 13.2 (e)

Các trường hợp khác:

E-ĐKC 14.2

Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 3 ngày (Kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư)

E-ĐKC 16.1

Danh sách nhà thầu phụ: __ [*ghi danh sách nhà thầu phụ hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT*].

E-ĐKC 16.2

Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 20 % giá hợp đồng.

E-ĐKC 16.4

Yêu cầu khác về nhà thầu phụ:

E-ĐKC 17

Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:

1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng

Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:

a) Nhà thầu bị phạt theo mức: 0,1% cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng.

Tổng số tiền phạt không vượt quá: 190.000.000 VND. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.

b) Trường hợp Chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Mục 10 E-DKC thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày Chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.

Quy định chi tiết:

2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng

Theo thỏa thuận trong hợp đồng

E-DKC 19.1

Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu:

E-DKC 20

Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư:

E-DKC 22.2

Giải quyết tranh chấp: Trong trường hợp xảy ra tranh chấp hợp đồng xây dựng, các bên có trách nhiệm thương lượng giải quyết. Trường hợp thương lượng không có kết quả thì các bên sẽ gửi vấn đề lên Tòa án nhân dân thành phố Huế để xử lý tranh chấp theo quy định của pháp luật. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên

E-DKC 23.1

Địa chỉ đề hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:

Tên Chủ đầu tư: **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HUẾ**

Địa chỉ liên lạc của Chủ đầu tư: Số 07, đường Diềm Phùng Thi, Phường Vỹ Dạ, Quận Thuận Hóa, Thành phố Huế

Điện thoại: 0903593771

Fax:

E-mail: Hxhau.bdtpt@gmail.com

Tên nhà thầu:

Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

CHƯƠNG VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu mà áp dụng loại hợp đồng DVTV cho phù hợp.

Trường hợp hợp đồng đồng có một hoặc nhiều hợp đồng bộ phận, Chủ đầu tư vận dụng biểu mẫu hợp đồng DVTV loại hợp đồng trọn gói và loại hợp đồng theo thời gian để xây dựng hợp đồng DVTV.

Khi sử dụng căn cứ ý không được thay đổi E-DKC, các điều khoản trong E-DKCT cần được thực hiện như mô tả trong ghi chú bảng chữ in nghiêng cho từng điều khoản.

Mẫu số 16

HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: ____ [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Gói thầu: ____ [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

Thuộc dự án: ____ [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015) [Chủ đầu tư kê khai thông tin];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023) [Chủ đầu tư kê khai thông tin];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói

thầu ____ [ghi tên gói thầu] và Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời thầu; [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và Nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____; [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

- Các căn cứ khác (nếu có). [Hệ thống để trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: _____ [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đối với trường hợp Chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:

Chủ đầu tư Tên Chủ đầu tư: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: _____ [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)

Tên Đơn vị được ủy quyền: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: _____; [*Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin].

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____ [Chu đầu tư kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục A “Điều khoản tham chiếu” kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng;
2. Phụ lục hợp đồng gồm điều khoản tham chiếu, nhân sự của nhà thầu, trách nhiệm báo cáo của nhà thầu;
3. E-DKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
4. Biên bản thương thảo hợp đồng, biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
5. E-DKC của hợp đồng;
6. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
7. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;

8. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu (nếu có);
9. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);
10. Các tài liệu khác quy định tại E-DKCT.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

1. Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho Nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại E-DKC và E-DKCT của hợp đồng.
2. Chủ đầu tư chỉ định ông/bà _____/Ghi rõ họ tên/ là cán bộ phụ trách của Chủ đầu tư để điều phối các hoạt động thuộc phạm vi hợp đồng này.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

1. Thực hiện các nghĩa vụ được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này;
2. Đảm bảo huy động và bố trí nhân sự được liệt kê tại Phụ lục B “Nhân sự của nhà thầu” để thực hiện dịch vụ;
3. Nộp báo cáo cho Chủ đầu tư trong thời hạn và theo các hình thức được nêu trong Phụ lục C “Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu”;
4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong E-DKC và E-DKCT của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Hợp đồng trọn gói ⁽³⁾

a) Giá hợp đồng: [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].

Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

b) Thời hạn thanh toán:

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo đo nhà thầu

lập.

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

Tổng số tiền thanh toán _____ [Ghi giá trị và đồng tiền]

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

2. Hợp đồng theo đơn giá cố định ⁽³⁾

a) Giá hợp đồng [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế

- Dự phòng.

b) Thời hạn thanh toán:

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo đo nhà thầu

lập.

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

_____ Tổng số tiền thanh toán _____ [Ghi giá trị và đồng tiền]

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

3. Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh ⁽³⁾

a) Giá hợp đồng: [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế

- Dự phòng: trong đó nêu rõ giá trị trượt giá tạm tính trên cơ sở dự kiến trượt giá và quy định pháp luật về quản lý chi phí.

b) Thời hạn thanh toán:

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo đo nhà thầu

lập.

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

_____ Tổng số tiền thanh toán _____ [Ghi giá trị và đồng tiền]

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

4. Hợp đồng theo thời gian ⁽³⁾

a) Giá hợp đồng: [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và

bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải trả, chi tiết như sau:

- Thu lao cho chuyên gia:

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu thù lao tính theo tháng người hoặc theo tuần, theo ngày, theo giờ (lựa chọn một trong ba nội dung và xóa nội dung còn lại) như đã thống nhất tại Phụ lục B.

- Chi phí khác cho chuyên gia:

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu các chi phí khác với mức trần là [Ghi giá trị và đồng tiền thanh toán] cho các khoản chi thực tế hoặc khoản gọn⁽⁴⁾ dưới đây:

+ Chi phí công tác (bao gồm chi phí đi lại, phụ cấp công tác và lưu trú), tiền văn phòng phẩm và phốtô, in ấn tài liệu, chi phí liên lạc. Chi phí này sẽ được hoàn trả và cần được Chủ đầu tư xác nhận;

+ Chi phí khác đã được Chủ đầu tư phê duyệt. b) Thời hạn thanh toán:

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu

lập.

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

_____ Tổng số tiền thanh toán _____ [Ghi giá trị và đồng tiền]

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

5. Phương thức thanh toán: _____ [Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 10.2 E-DKCT].

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: _____ [Hệ thống trích xuất loại hợp đồng theo E-DKCT].

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ [Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 9 E-DKC, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ: _____ [Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng héi hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.
Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN

[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

- (1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-DKCT.
- (2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
- (3) Lựa chọn bảo đảm phù hợp với Mục 7 E-DKCT của hợp đồng
- (4) Ghi rõ loại chi phí nào thanh toán theo thực tế phát sinh hoặc chi phí nào khoán gọn.

PHỤ LỤC

Phụ lục A: Điều khoản tham chiếu

Phụ lục B: Nhân sự của nhà thầu

Phụ lục C: Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu.

Mẫu số 17: Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng

THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [ghi tên chủ đầu tư] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc

phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [ghi tên, số hiệu gói thầu], Bên mời thầu _____ [ghi tên Bên mời thầu] (sau

đây gọi tắt là “Bên mời thầu) thông báo: Chủ đầu tư đã chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu ____ [ghi tên, số hiệu gói thầu.] với giá hợp đồng là ____ [ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [ghi thời gian thực hiện gói thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu].
Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: ____ [ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng thực hiện qua Hệ thống.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng], tại địa điểm(2) ____ [ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại.

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

Mẫu số 18: Giấy ủy quyền

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do ____ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

[- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu;

- Thương thảo hợp đồng (nếu có) đối với trường hợp thương thảo hợp đồng trực tiếp;

- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà thầu]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Bên mời thầu giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký
tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu khi đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác
- (2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.
- (3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện, ký hợp đồng. Giấy ủy quyền phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.